

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

SỞ KHOA HỌC - CN&MT

=====

BÁO CÁO NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

" Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ
phục vụ phát triển kinh tế, xã hội nông thôn và miền núi,
triển khai tại xã Bình Dương - huyện Vĩnh Tường
và xã Hợp Lý - huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc"

VINH PHÚC, THÁNG 8 NĂM 2001



BÁO CÁO NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

"Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội nông thôn và miền núi, triển khai tại xã Bình Dương - huyện Vĩnh Tường và xã Hợp Lý - huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc"

- Cấp quản lý: Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường
- Cơ quan chủ quản dự án:
Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Vĩnh Phúc.
- Cơ quan chính chuyên giao khoa học công nghệ:
Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp:
 - Viện Chăn nuôi.
 - Viện Nghiên cứu ngô.
 - Trung tâm Khuyến nông Đan Phượng.
 - Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc.
 - Trung tâm Giống cây lương thực Vĩnh Phúc.
 - Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường
 - Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch
 - Ủy ban nhân dân xã Bình Dương
 - Ủy ban nhân dân xã Hợp Lý.
- Thời gian thực hiện:
 - Từ tháng 1 năm 1999 đến tháng 1 năm 2001

PHẦN I.

KHAI QUÁT VÙNG DỰ ÁN, MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG DỰ ÁN

I. GIỚI THIỆU DỰ ÁN.

Thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và quyết định số 72/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc phát triển toàn diện kinh tế, xã hội nông thôn, miền núi. Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường trong các hoạt động hỗ trợ khoa học công nghệ cho các vùng nông thôn, miền núi đã chấp thuận

cho tỉnh Vĩnh Phúc xây dựng và tổ chức thực hiện dự án" *Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi, triển khai tại xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường và xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc*".

Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc - cơ quan chủ quản dự án đã chọn Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam làm cơ quan khoa học chính chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp để triển khai các nội dung của dự án.

Dự án triển khai tại 2 xã đại diện cho 2 khu vực địa lý của tỉnh Vĩnh Phúc là: xã Bình Dương (huyện Vĩnh Tường) - đặc trưng cho nông thôn vùng đồng bằng và xã Hợp Lý (huyện Lập Thạch) - đặc trưng cho nông thôn miền núi.

***. Vài nét về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội xã Bình Dương.**

- Xã nằm cách Quốc lộ số 2 về phía tây: 5km, có đường trải nhựa đến xã, hệ thống điện, thủy lợi tương đối hoàn chỉnh.

- Tổng diện tích đất tự nhiên là 740ha, trong đó:

+ Đất trồng lúa: 456ha

+ Đất trồng màu: 72ha

+ Đất khác: 212 ha

- Xã nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, có đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc bộ, có trữ lượng nước ngầm và nước mặt phong phú.

- Dân số của xã là: 10.564 người (năm 1997), trình độ dân trí khá, lãnh đạo xã, hợp tác xã, đội ngũ cán bộ kỹ thuật có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, triển khai sản xuất.

- Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và dịch vụ: nông nghiệp chiếm 61%, dịch vụ chiếm 30%, thủ công nghiệp và ngành nghề khác chiếm 9%.

Nhìn chung xã Bình Dương có rất nhiều điều kiện thuận lợi để triển khai xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đó là: Điều kiện giao thông thuận lợi, gần trung tâm tỉnh, trung tâm huyện và đường Quốc lộ 2 - là điều kiện rất tốt để tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp; cơ sở hạ tầng tương đối hoàn chỉnh, trình độ dân trí cao, lãnh đạo và nhân dân trong xã có nhiều kinh nghiệm sản xuất và nhiệt tình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong mới.

***. Vài nét về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội xã Hợp Lý:**

- Xã thuộc vùng núi, có quốc lộ 2C đi Tuyên Quang chạy qua, cách thị xã Vĩnh Yên 25 km về phía Đông, cách trung tâm huyện Lập Thạch 10km.

- Địa hình xã Hợp Lý nghiêng từ Tây Bắc xuống Đông Nam, chủ yếu là đồi núi thấp và các thung lũng nhỏ.

- Xã chịu ảnh hưởng của vùng núi Tam Đảo, lượng mưa trong năm phân bố không đều và chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 (chiếm 80- 85% lượng mưa tổng số), mùa khô từ tháng 11 đến tháng tư năm sau (chiếm 15% - 20% lượng mưa tổng số).

+ Lượng mưa trung bình năm: 1670mm

+ Độ ẩm từ 80 - 86%

+ Số ngày nắng: bình quân 267 ngày/năm.

- Nhiệt độ trung bình năm: 24,5°C, nhiệt độ cao nhất 39°C, nhiệt độ thấp nhất 4°C. Có 2 hướng gió chính là Đông Bắc và Đông Nam, ít có sương muối.

- Mực nước ngầm trung bình vào mùa khô sâu từ 8- 9m, mùa mưa 3 - 4m. Có sông Phó Đáy chảy qua, ngoài ra có một số khe suối nhỏ và một số hồ đập do các xã khác xây dựng vì vậy mùa khô thường bị hạn và mùa mưa nước lên nhanh gây lũ úng cục bộ.

- Tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 801,88ha, trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 181,96ha (chủ yếu là đất 2 vụ lúa: 119,03ha (chiếm 65%); đất cây công nghiệp ngắn ngày + màu: 19,94ha (chiếm 11%); còn lại là các loại đất khác

+ Đất lâm nghiệp: 377,90ha

+ Đất có khả năng nông lâm nghiệp: 80,00ha

+ Đất chuyên dùng: 100,49ha

+ Sông suối: 29,70ha

+ Đất khác: 31,83ha

- Tổng dân số của xã năm 1997 là 4028 người (820 hộ), 100% là người Kinh.

- Cơ sở hạ tầng chưa hoàn chỉnh, nhiều công trình công cộng đã cũ và xuống cấp.

- Kinh tế thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, đời sống nhân dân còn thấp, hộ giàu chiếm khoảng 8,4%, hộ đói nghèo còn chiếm tỷ lệ khá cao: 21,4%

(số liệu năm 1998)

Xã Hợp Lý là xã miền núi có điều kiện đất đai tương đối tốt, khí hậu thuận lợi, không có những diễn biến bất thường có khả năng phát triển nhiều loại cây trồng, đa dạng hoá các sản phẩm nông nghiệp. Giao thông đến xã thuận tiện, có Quốc lộ 2C đi Tuyên quang chạy qua, khả năng giao lưu và lưu thông hàng hoá thuận lợi. Lực lượng lao động dồi dào, nông dân cần cù trong sản xuất. Tổ chức Đảng, Chính quyền và các đoàn thể đoàn kết, vững mạnh.

Tuy nhiên xã còn gặp một số khó khăn đó là: trình độ canh tác chưa cao, việc ứng dụng và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật còn rụt rè, hạn chế và chậm, các tiến bộ kỹ thuật áp dụng chưa đồng bộ vì vậy hiệu quả sản xuất chưa cao.

II. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN:

1. Xây dựng 04 mô hình tại 2 xã Bình Dương và Hợp lý.

* *Xã Bình Dương*: triển khai 2 mô hình

- + Mô hình 1. Xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng có năng suất cao, tăng thu nhập, nâng cao mức sống của người dân.
- + Mô hình 2. Xây dựng mô hình vệ sinh môi trường nông thôn, bằng cách triển khai TBKT thu gom phân gia súc, chất phân huỷ hữu cơ thành khí Biogas phục vụ đun đốt.

* *Xã Hợp Lý*: triển khai 02 mô hình:

- + Mô hình 3. Đưa giống cây, con có năng suất cao, ổn định nhằm xóa đói, giảm nghèo các hộ trong xã, nâng cao mức sống và trình độ dân trí trong nhân dân.
- + Mô hình 4. Mô hình trang trại, trồng cây ăn quả xen kẽ cây bản địa nhằm tăng thu nhập, phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường sinh thái rừng.

2. Nhân rộng kết quả của các mô hình ra toàn xã và một số xã khác trong huyện.

3. Đào tạo cán bộ, kỹ thuật viên, nâng cao trình độ quản lý, triển khai các tiến bộ kỹ thuật cho xã, huyện. Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật nâng cao trình độ hiểu biết và áp dụng khoa học kỹ thuật cho bà con nông dân.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA DỰ ÁN:

1. Mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi (mô hình 1 ở xã Bình Dương và mô hình 3 ở xã Hợp Lý):

- Chuyển đổi một số diện tích giống cũ, bằng một số giống mới năng suất cao, phẩm chất khá như 98-30, DH-85, CN122, lúa lai, lúa thuần TQ. Năng suất trung bình tăng 11 - 12 tạ/ ha/ năm, trên diện tích 160 ha mô hình.

- Đưa cây ngô vụ đông vào đại trà, ứng dụng các giống mới P11, LVN 4, Bioseed..., đưa năng suất ngô tăng 7 tạ/ha so với các giống cũ. Diện tích mô hình là 30 ha.

- Đưa giống đậu tương AK06, đậu xanh T135 thay thế giống cũ, năng suất dự kiến tăng 4 tạ/ha so với các giống địa phương. Diện tích mô hình 10 ha.

- Đưa giống lạc mới năng suất cao LO2, LO3, ứng dụng TBKT che phủ nilon cho lạc nhằm tăng năng suất lạc 6 tạ/ha so với các giống cũ của địa phương. Diện tích mô hình là 10ha.

- Trong chăn nuôi, đưa đàn lợn lai kinh tế, đàn vịt siêu trứng CV2000 để xây dựng một số mô hình chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao,

phù hợp với điều kiện địa phương. Đưa lợn đực giống Land race và bò lai Sind để cải tạo chất lượng đàn lợn và bò tăng hiệu quả chăn nuôi cho nông dân.

2. Mô hình trang trại, trồng cây ăn quả xen kẽ cây bản địa nhằm tăng thu nhập, phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường sinh thái rừng (mô hình 4 ở xã Hợp Lý).

- Đưa các giống cây ăn quả có triển vọng (nhãn, vải, xoài, đu đủ) vào một số trang trại, với diện tích 10ha tại xã Hợp Lý. ứng dụng các TBKT như trồng xen, trồng theo quy hoạch phân bố địa hình và sườn dốc... để tạo nên các thảm cây phù hợp giữa cây ăn quả và cây bản địa. Đến năm 2005, mô hình có thể thu nhập 15 triệu đồng/ha trang trại.

3. Xây dựng mô hình vệ sinh môi trường nông thôn, bằng cách triển khai TBKT thu gom phân gia súc, chất phân huỷ hữu cơ thành khí Biogas phục vụ đun đốt (mô hình 2 ở xã Bình Dương).

Xây dựng 3 - 6 điểm sản xuất khí biogas, với quy mô gia đình khác nhau. Mỗi năm 1 mô hình nhỏ có thể thu gom 18 tấn, mô hình to 36 tấn phân gia súc, gia cầm. Một điểm có thể sản xuất lượng khí gas thay thế từ 0,9 tấn than cám đến 1,8 tấn than cám/ năm.

4. Nhân rộng kết quả của các mô hình ra toàn xã và một số xã khác trong huyện.

- Sau khi tổng kết các mô hình vào đầu năm 2001. Đến năm 2005 có khả năng nhân rộng các giống lúa có năng suất cao, ổn định ở xã Bình Dương là 250ha (chiếm 60% tổng diện tích lúa), và ở huyện Vĩnh Tường là 3000ha (chiếm 28% diện tích lúa). Xã Hợp Lý có thể nhân rộng ra 100ha (chiếm 55% diện tích lúa). Toàn huyện Lập Thạch có thể nhân rộng ra được 2000ha (chiếm 19% diện tích trồng lúa của cả huyện)

- Mô hình lạc, đậu tương có khả năng nhân rộng ra từ 100 - 150 ha đối với mỗi xã và 600 - 800 ha cho mỗi huyện.

- Đàn lợn lai kinh tế đạt 30% tổng đàn trong huyện Vĩnh Tường, bằng 20 ngàn con. Đàn vịt CV 2000 có thể nhân ra từ 150 - 200 đàn. Đàn bò lai Sind phát triển chiếm 20% tổng đàn bò huyện Lập Thạch, bằng 6000 con.

- Mô hình trang trại ở Lập Thạch có thể nhân ra 100 trang trại, có diện tích từ 400 - 500ha.

5. Đào tạo cán bộ, kỹ thuật viên, nâng cao trình độ quản lý, triển khai các tiến bộ kỹ thuật cho xã, huyện. Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật nâng cao trình độ hiểu biết và áp dụng khoa học kỹ thuật cho bà con nông dân.

- Đào tạo cho xã Bình Dương 20 người, xã Hợp Lý 20 người. Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho mỗi xã 1500 lượt nông dân.

- Xuất bản 3000 cuốn sách hướng dẫn kỹ thuật nuôi, trồng các loại cây, con để phát cho bà con nông dân và cán bộ khuyến nông trong 2 xã.

III. TỔ CHỨC, THỰC HIỆN DỰ ÁN.

Ngay sau khi có quyết định của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường cho phép triển khai dự án, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Vĩnh Phúc đã thảo luận, thống nhất các nội dung, tiến độ, kinh phí... và ký kết hợp đồng với Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam để triển khai xây dựng các mô hình.

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam đã bàn bạc và thống nhất với Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Vĩnh Phúc, với Lãnh đạo Ủy ban nhân dân 2 xã: Bình Dương và Hợp Lý về các biện pháp tổ chức, thực hiện dự án.

- Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam đã thành lập ban điều hành dự án, với số lượng 8 người, bao gồm các thành viên là lãnh đạo Viện, đại diện phòng quản lý và một số trưởng đơn vị tham gia triển khai các nội dung của dự án. Ban điều hành có trách nhiệm tổ chức, xây dựng kế hoạch triển khai, theo dõi, đánh giá... nội dung và tất cả các vấn đề khác có liên quan đến dự án.
- Huy động đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, các chuyên gia có kinh nghiệm của các cơ quan khoa học Trung ương, tỉnh và huyện trực tiếp tham gia triển khai dự án, trên cơ sở thống nhất về cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ làm việc tại địa phương.
- Trước khi xây dựng các mô hình, ban điều hành dự án làm việc cụ thể và chi tiết với Đảng ủy, lãnh đạo và ban tiếp nhận dự án 2 xã Bình Dương và Hợp Lý để chọn điểm, chọn hộ nông dân tham gia mô hình, thống nhất quyền lợi và trách nhiệm cho các hộ. Cụ thể hoá với lãnh đạo xã và hộ nông dân tham gia dự án các nội dung, cách thức triển khai, quản lý và điều hành dự án.
- Các loại vật tư kỹ thuật đầu tư thông qua ban tiếp nhận dự án xã và sau đó phát trực tiếp đến hộ nông dân.
- Ban điều hành dự án huy động đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm triển khai các dự án nông thôn miền núi tham gia đào tạo, chỉ đạo sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ cơ sở và nông dân để có thể tiếp cận được các tiến bộ kỹ thuật mới và có thể mở rộng nhanh các mô hình trong sản xuất.
- Sau khi kết thúc mỗi mô hình, ban điều hành dự án tổ chức các cuộc họp để đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm triển khai các mô hình tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn.
- Tổ chức các hội nghị tập huấn, thăm quan đầu bờ cho nông dân nhằm nhân nhanh các mô hình có hiệu quả cao ra sản xuất.
- Tiến hành sơ kết, tổng kết dự án và thường xuyên báo cáo tiến độ và kết quả triển khai dự án cho các cấp có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH 1 "Xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng có năng suất cao, tăng thu nhập, nâng cao mức sống của người dân - triển khai tại xã Bình dương" và MÔ HÌNH 3 "Đưa giống cây, con có năng suất cao, ổn định nhằm xóa đói, giảm nghèo các hộ trong xã, nâng cao mức sống và trình độ dân trí trong nhân dân- triển khai tại xã Hợp Lý".

1. Về trồng trọt

1.1. Cây lúa

1.1.a. Lúa xuân

** Quy mô:*

Mô hình lúa xuân được thực hiện tại một số thôn, khu của hai xã Bình Dương và Hợp Lý. Tổng diện tích mô hình trong 2 năm là 92 ha, trong đó

- Năm 1999: diện tích các mô hình là 2ha, các giống được đưa vào cơ cấu xuân muộn tại xã Hợp Lý, trên đất 2 lúa - 1 ngô đông. Trong đó: giống D42 (1ha) và S15 (1ha).
- Năm 2000: diện tích các mô hình là 53ha, các giống được đưa vào cơ cấu xuân muộn tại xã Bình Dương, trên đất 2 lúa - 1 ngô đông. Trong đó: giống Khang Dân 18 (20ha) và giống lúa lai Trung Quốc Nhị ưu 838 (33ha).
- Năm 2001: diện tích các mô hình là 37ha, các giống được đưa vào cơ cấu xuân muộn tại xã Bình Dương, trên đất 2 lúa - 1 ngô đông. Trong đó: giống Ai Hoà Thành (20ha) và giống lúa lai hai dòng Trung Quốc Bồi tập Sơn Thanh (17ha)

** Giải pháp kỹ thuật*

Để đảm bảo sự thành công và đạt hiệu quả cao cho mô hình Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam đã nghiên cứu, chọn các giải pháp kỹ thuật phù hợp để áp dụng và triển khai. Cụ thể các giải pháp đó là:

- Nghiên cứu tuyển chọn bộ giống lúa thích hợp có năng suất cao, phù hợp với cơ cấu thời vụ, điều kiện tự nhiên và khả năng đầu tư thâm canh của nông dân.
- Các giống lúa đầu tư cho địa phương đều đảm bảo phẩm cấp giống nguyên chủng và cấp 1. Giống đảm bảo chắc chắn về năng suất trong điều kiện áp dụng đúng các quy trình kỹ thuật hướng dẫn. Các giống lúa thuần có thể dùng làm giống, mở rộng diện tích cho các vụ sau.
- Trước khi cung cấp giống cho nông dân, cán bộ chuyên môn trực tiếp chỉ đạo xây dựng mô hình đều kiểm tra kỹ lưỡng về tỷ lệ nảy mầm, tỷ lệ lẫn của giống.
- Tập huấn đầy đủ và phát tài liệu quy trình kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật cơ sở và các hộ tham gia mô hình.
- Chỉ đạo gieo cấy đúng quy trình kỹ thuật.

- Xây dựng quy trình bón phân cân đối và hợp lý cho từng loại giống, cụ thể:
 - + Đối với các giống lúa thuần (D42, S15, Khang Dân 18, Ai Hoà Thành)

10 tấn phân chuồng + 100 kgN + 75kg P_2O_5 + 60kg K_2O cho 1ha
 - + Các giống lúa lai Trung Quốc:

12 tấn phân chuồng + 130kg N + 100kg P_2O_5 + 70kg K_2O cho 1ha
- Cử cán bộ chuyên môn của Viện, cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp sản xuất thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của cây lúa, phát hiện sâu bệnh hại và có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

** Kết quả đạt được*

Các giống lúa trong mô hình của dự án đều cho năng suất tương đương và hơn các giống đang sản xuất đại trà ở địa phương.

- Vụ xuân năm 1999: giống lúa D42 và S15 đều cho năng suất 170 - 180kg/sào, tương đương 4,7 tấn - 5 tấn/ha.
- Vụ xuân năm 2000: giống lúa Khang Dân 18 đạt năng suất bình quân 5,2 - 5,5 tấn/ha và giống lúa Nhị ưu 838 cho năng suất bình quân 5,5 tấn - 6,0 tấn/ha.
- Vụ xuân năm 2001: diện tích các giống lúa của dự án (Ai Hoà Thành và Bồi tập Sơn Thanh) đã được gieo cấy đầy đủ, cây lúa sinh trưởng phát triển tốt, năng suất trung bình đạt 6,1 tấn/ha.

** Đánh giá cây lúa xuân.*

- Vụ xuân năm 1999, dự án đã đưa 2 giống lúa mới D42 và S15, với các ưu điểm: thời gian sinh trưởng ngắn, kháng sâu bệnh khá, dễ chăm sóc, thuận lợi cho việc bố trí thời vụ của địa phương để xây dựng mô hình. Hai giống này đều cho năng suất tương đương giống Kháng dân 18 đang sản xuất đại trà ở địa phương, tuy nhiên chất lượng gạo của 2 giống không được bà con nông dân ưa chuộng, vì vậy hai giống này đã không được mở rộng ở các vụ tiếp theo.

- Vụ xuân năm 2000, dự án tập trung xây dựng mô hình thâm canh lúa xuân muộn tại xã Bình Dương, với hai giống lúa đã triển khai tại xã trong những năm gần đây là giống Khang Dân 18 (20ha) và giống lúa lai TQ Nhị ưu 838 (33ha). Dự án tập trung vào việc đầu tư giống tốt và tập huấn quy trình kỹ thuật thâm canh cho bà con nông dân tham gia mô hình. Mặc dù đầu vụ các diện tích lúa của toàn xã gặp rét đậm kéo dài nhưng do làm đúng quy trình kỹ thuật hướng dẫn nên diện tích cấy và cho thu hoạch vẫn đảm bảo kế hoạch. Thực tế hai giống lúa này khá phù hợp với cơ cấu sản xuất của huyện Vĩnh Tường và của xã Bình Dương vì vậy diện tích mô hình rất tập trung, mô hình đạt hiệu quả cao. Giống lúa Nhị ưu 838 cho năng suất bình quân 5,5 tấn - 6,0 tấn/ha, giống lúa Khang Dân 18 đạt 5,2 - 5,5 tấn/ha.

- - Qua 2 năm triển khai dự án, các giống thuần và lúa lai Trung Quốc khá phù hợp với cơ cấu và mùa vụ sản xuất của huyện Vĩnh Tường và xã Bình Dương. Vụ xuân năm 2001 dự án tiếp tục đầu tư xây dựng mô hình thâm canh tăng năng suất lúa xuân muộn bằng 2 giống lúa Ai Hoà Thành (20ha) và Bồi tập Sơn Thanh (17ha). Sau khi cấp giống, dự án đã tập huấn đầy đủ quy trình kỹ thuật thâm canh cho bà con nông dân tham gia mô hình. Các giống lúa đã được gieo cấy đầy đủ, theo đúng quy trình kỹ thuật, năng suất trung bình đạt 6.1 tấn/ha.

1.1.b. Lúa mùa

* Quy mô:

Mô hình lúa mùa được thực hiện tại một số thôn, khu của hai xã Bình Dương và Hợp Lý. Tổng diện tích mô hình trong 2 năm là 81,8ha, trong đó:

- Vụ mùa năm 1999:

Diện tích các mô hình là 28,8ha, các giống được đưa vào cơ cấu mùa trung tại xã Hợp Lý và xã Bình Dương, trên đất 2 lúa - 1 ngô đông. Cụ thể:

- *Tại xã Bình Dương:* giống lúa DH85 (10,0ha); giống 98-30 (11,0ha); giống 98-55 (1,0ha); giống 98-10 (1,0ha); giống lúa chất lượng cao DT122 (0,3ha).
- *Tại xã Hợp Lý:* giống lúa DH85 (2,0ha); giống 98-30 (2,0ha); giống 98-55 (1,0ha); giống lúa chất lượng cao DT122 (0,5ha).

- Vụ mùa năm 2000:

Diện tích các mô hình là 53ha, các giống được đưa vào cơ cấu mùa chính vụ tại xã Hợp Lý, trên đất 2 lúa - 1 ngô đông, trong đó: giống lúa Khang Dân 18 (15,0ha), giống lúa Q5 (5,0ha) và giống lúa lai hai dòng Trung Quốc Bồi tập Sơn Thanh (33,0ha).

* Giải pháp kỹ thuật

Các giải pháp kỹ thuật được áp dụng tương tự như xây dựng mô hình lúa xuân đã trình bày ở trên. Chỉ khác quy trình bón phân

+ Đối với giống lúa thuần (DH85; DT122; 98-30; 98-10)

9 tấn phân chuồng + 90 kgN + 60kg P_2O_5 + 45kg K_2O cho 1ha

+ Đối với các giống lúa thuần (98-55, Khang Dân 18, Q5)

10 tấn phân chuồng + 100 kgN + 70kg P_2O_5 + 55kg K_2O cho

1ha

+ Các giống lúa lai Trung Quốc:

12 tấn phân chuồng + 120kg N + 100kg P_2O_5 + 80kg K_2O cho

1ha

* Kết quả đạt được

Vụ mùa năm 1999:

* Tại xã Bình Dương

- Giống lúa DH85 cho năng suất bình quân 4.5 - 5,0 tấn/ha
- Các giống 98-30, 98-10; 98-55: cho năng suất thấp, bình quân 2.5 tấn/ha.

Giống lúa DT 122 không thu hoạch (do chuột phá)

* Tại xã Hợp Lý:

- Giống lúa DH85 cho năng suất bình quân 4,5 - 5,0 tấn/ha
- Các giống 98-30, 98-55: cho năng suất thấp, bình quân 2,0 tấn/ha.
- Giống lúa DT 122 không thu hoạch (do chuột phá)

Vụ mùa năm 2000:

* Tại xã Hợp Lý:

- Giống lúa Khang dân 18 cho năng suất bình quân 5,0 - 5,2 tấn/ha
- Giống lúa Q5 cho năng suất bình quân 5,0 - 5,4 tấn/ha
- Giống lúa lai hai dòng Trung Quốc Bồi tạp Sơn Thanh cho năng suất bình quân 5,0 - 5,4 tấn/ha

1.1.c. Đánh giá chung về cây lúa.

* Quy mô:

- Xã Bình Dương: Dự kiến triển khai 40 ha mỗi vụ, 4 vụ là 160 ha. Thực hiện 115,3 ha. Nguyên nhân một số giống như: 98-30, 98-10, 98-55, DT122 định đưa tiếp vào các vụ sau nhưng năng suất thấp nên không triển khai tiếp, kinh phí chuyển sang mục khác.

- Xã Hợp Lý: Kế hoạch 40 ha, thực hiện 58,5 ha, vượt 46,2% so với kế hoạch.

* Về tính thích ứng của giống:

- Vụ mùa năm 1999, dự án đã đưa các giống lúa mới: DH85; 98-30; 98-10; 98-55 và DT 122 với các ưu điểm: thời gian sinh trưởng ngắn và trung bình, phù hợp cơ cấu mùa chính vụ, năng suất cao, chất lượng tốt để xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu giống và thâm canh tăng năng suất lúa.

Qua thực tế, mô hình giống lúa DH85 đạt hiệu quả cao, DH85 là giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn (100 - 105 ngày trong vụ mùa sớm), dễ chăm sóc, ít sâu bệnh, năng suất bình quân đạt 4,5 - 5,0 tấn/ha, được bà con nông dân chấp nhận và duy trì trong các vụ tiếp theo.

Giống lúa chất lượng cao DT122 có ưu điểm là cơm ngon, hạt gạo dài, thơm, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, thời gian sinh trưởng rất ngắn (90 ngày trong vụ mùa sớm) - rất thuận lợi cho việc bố trí cây vụ đông. Tuy nhiên do diện tích mô hình nhỏ, không tập trung, lúa chín sớm hơn các giống đại trà 10 - 15 ngày vì vậy toàn bộ diện tích mô hình ở hai xã bị chuột phá hoại, không cho thu hoạch.

Các giống lúa 98-30; 98-10; 98-55 đều là những giống có năng suất cao, chất lượng khá, chống chịu sâu bệnh. Thực tế trong vụ mùa năm 1999, giai đoạn đầu các giống này sinh trưởng, phát triển rất tốt, nhưng do lượng giống chuyển giao cho các xã bị muộn so với thời vụ, các giống này có thời gian sinh trưởng từ 120 - 130 ngày, dài hơn so với các giống sản xuất đại trà của địa phương 10 - 15 ngày, vì vậy cuối vụ diện tích các giống này bị sâu đục thân phá hoại rất mạnh, cán bộ chuyên môn của dự án đã chỉ đạo bà con nông dân phun thuốc phòng trừ nhưng hiệu quả phun thuốc rất thấp. Mô hình không đạt yêu cầu để ra, các giống chỉ cho năng suất 2,0 - 2,5 tấn/ha. Một số hộ gia đình thực hiện triệt để việc phun thuốc, các giống

98-55; 98-30 vẫn cho năng suất 5,0 - 5,5 tấn/ha và được các hộ này duy trì trong các vụ tiếp theo. Các giống 98-55; 98-30; 98-10 nếu được triển khai đúng thời vụ, đúng quy trình kỹ thuật, diện tích lớn và tập trung chắc chắn mô hình cho hiệu quả cao, năng suất bình quân có thể đạt 5,5 - 6,0 tấn/ha.

- Vụ mùa năm 2000, dự án tập trung xây dựng mô hình thâm canh lúa mùa chính vụ tại xã Hợp Lý, với các giống lúa: Khang dân 18 (15,0ha), giống lúa Q5 (5,0ha) và giống lúa lai TQ Bồi tập Sơn Thanh (33ha). Dự án tập trung vào việc tập huấn quy trình kỹ thuật thâm canh cho bà con nông dân tham gia mô hình. Cơ cấu các giống lúa này khá phù hợp với cơ cấu sản xuất huyện Lập Thạch đã hướng dẫn và chỉ đạo vì vậy diện tích mô hình tại xã Hợp Lý rất tập trung, mô hình đạt hiệu quả cao. Giống lúa Khang dân 18 cho năng suất bình quân 4,8 - 5,0 tấn/ha, giống lúa Q5 cho năng suất bình quân 5,0 - 5,4 tấn/ha; giống lúa lai hai dòng Trung Quốc Bồi tập Sơn Thanh cho năng suất bình quân 5,0 - 5,4 tấn/ha. Nếu bà con nông dân tham gia mô hình đầu tư đầy đủ phân bón theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn thì hiệu quả thu được sẽ cao hơn.

*** Về năng suất:**

Xã Bình Dương: Trong 5 giống đưa vào có 1 giống DH85 có năng suất cao vượt giống của địa phương từ 10 - 12 tạ/ha, 4 giống khác năng suất thấp không đạt yêu cầu đề ra.

Xã Hợp Lý: Qua thực tế, các giống DH85, giống lúa lai Trung Quốc đạt năng suất khá, vượt so với giống địa phương trung bình 12 tạ, đạt dự kiến đề ra, một số giống khác không đạt yêu cầu về năng suất.

1.2. Cây lạc xuân và quy trình công nghệ che phủ nilon cho lạc xuân.

*** Quy mô:**

Mô hình được thực hiện tại một số thôn, khu của hai xã Bình Dương và Hợp Lý. Tổng diện tích mô hình trong 2 năm là 14,0ha, trong đó:

Xã Bình Dương:

- Vụ xuân, năm 1999: Diện tích 1,0 ha bằng giống lạc LO3 có che phủ nilon, trên đất chuyên màu.
- Vụ xuân năm 2000: Diện tích 3,0ha bằng giống lạc MD7 có che phủ nilon.

Xã Hợp Lý: 10,0 ha giống lạc LVT có che phủ nilon.

*** Giải pháp kỹ thuật**

- Nghiên cứu tuyển chọn các giống lạc mới có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với cơ cấu thời vụ, điều kiện tự nhiên và khả năng đầu tư thâm canh của nông dân.
- Các giống lạc đầu tư cho địa phương đều đảm bảo tiêu chuẩn giống, không đảm bảo năng suất cao trong điều kiện áp dụng đúng các quy trình kỹ thuật hướng dẫn.

- Trước khi cung cấp giống cho nông dân, cán bộ chuyên môn trực tiếp chỉ đạo xây dựng mô hình đều kiểm tra kỹ lưỡng về tỷ lệ nảy mầm, tỷ lệ lẫn của giống.
- Lựa chọn các giải pháp kỹ thuật và quy trình công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp với điều kiện đầu tư của địa phương để áp dụng xây dựng mô hình.
- Tập huấn đầy đủ và phát tài liệu quy trình kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật cơ sở và các hộ tham gia mô hình.
- Chỉ đạo gieo trồng đúng quy trình kỹ thuật.
- Xây dựng quy trình bón phân cân đối và hợp lý cho các loại giống, cụ thể:

10 tấn phân chuồng + 20kg N + 110kg P_2O_5 + 70kg K_2O và 550kg vôi bột cho 1ha (áp dụng cho tất cả các giống lạc triển khai)

- Cử cán bộ chuyên môn của Viện, cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp sản xuất thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của cây lạc, phát hiện sâu bệnh hại và có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

*** Kết quả đạt được**

Các giống lạc trong mô hình của dự án đều cho năng suất cao hơn 50 - 100% so các giống lạc địa phương, mô hình đạt hiệu quả cao. Kết quả được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Diện tích và năng suất các giống lạc trong vụ xuân 1999 và 2000

Tên giống	Vụ xuân 1999		Vụ xuân 2000	
	Diện tích (ha)	Năng suất bình quân (tạ/ha)	Diện tích (ha)	Năng suất bình quân (tạ/ha)
LO3 (Bình Dương)	1,0	22,0 - 25,0	-	-
MD7 (Bình Dương)	-	-	3,0	25,0 - 28,0
LVT (Hợp Lý)	-	-	10,0	25,0 - 28,0
Các giống lạc cũ của địa phương	-	11,0 - 14,0	-	11,0 - 14,0

*** Đánh giá về cây lạc.**

*** Về diện tích:** Xã Bình Dương: Kế hoạch triển khai 15 ha, thực hiện 4 ha. Nguyên nhân do cây lạc ở địa phương phát triển khá, vì vậy Ban điều hành nhất trí chuyển kinh phí sang thực hiện phần khác như bổ sung cho cây ăn quả, cây đu đủ.

Xã Hợp Lý: Theo kế hoạch 15 ha, thực hiện 10 ha, bằng 66% kế hoạch của dự án.

*** Về tính thích ứng của giống lạc mới và công nghệ che phủ nilon.**

Trong vụ xuân năm 1999 và 2000, dự án đã chuyển giao 3 giống lạc mới: LO3, LVT và MD7 và quy trình công nghệ che phủ nilon lạc xuân cho 2 xã Bình Dương và Hợp Lý. Các giống lạc mới đã góp phần chuyển đổi cơ cấu giống lạc, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế cho các hộ nông dân tham gia mô hình. Dự án đã mở 3 lớp tập huấn chuyển giao quy trình công

nghe che phủ nilon cho lạc xuân cho bà con nông dân tham gia, đây là một biện pháp kỹ thuật tiên tiến, với các ưu điểm: giữ ẩm và độ ẩm cho lạc khi gieo vào vụ xuân (thường gặp hạn và rét), thúc đẩy nhanh quá trình nảy mầm và đảm bảo tỷ lệ mọc của cây, tạo điều kiện thuận lợi cho cây sinh trưởng và tạo củ, góp phần tăng năng suất lạc từ 50 - 60%. Các giống lạc mới, với quy trình kỹ thuật che phủ nilon lần đầu tiên được triển khai ở 2 xã nhưng cũng đã có hiệu quả cao, đặc biệt vụ xuân năm 2000 ở xã Hợp Lý đã che phủ nilon đầy đủ cho 10.0ha giống lạc LVT và hiệu quả mô hình thu được là rất cao, năng suất lạc bình quân đạt 90 - 100kg lạc củ tươi/sào, tương đương 25.0 - 28 tấn/ha, tăng 100% so với các giống lạc địa phương đang trồng không có che phủ nilon.

** Triển vọng mở rộng của dự án:*

Thực tế sau 2 năm triển khai dự án, các giống lạc mới đã thay thế gần 100% diện tích trồng lạc của 2 xã các giống này cũng đã được phát triển ở nhiều xã khác ở trong huyện, tỉnh. Tháng 5 năm 2000, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Vĩnh Phúc đã phối hợp với Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam tổ chức hội nghị đầu bờ với sự tham dự của Bộ NN&PTNT, Bộ KH&CN&MT, và một số cơ quan, ban ngành có liên quan của tỉnh Vĩnh Phúc và một số tỉnh bạn để thăm quan đánh giá mô hình này.

1.3. Cây đậu xanh và cây đậu tương

** Quy mô:*

Tổng diện tích là 10,2ha, thực hiện tại một số khu của xã Hợp Lý, trong đó:

- Vụ xuân năm 1999: Diện tích mô hình là 0,2ha giống đậu xanh DX45
- Vụ hè thu năm 1999: Diện tích mô hình là 10,0ha giống đậu tương AK06

** Giải pháp kỹ thuật*

Các bước của giải pháp kỹ thuật được áp dụng giống như đối với các cây trồng khác (lúa, lạc), chỉ khác phần quy trình bón phân, cụ thể:

+ Đối với giống đậu xanh DX45

8 tấn phân chuồng + 60kg N + 80kg P_2O_5 + 40kg K_2O và 550kg vôi bột

+ Đối với giống đậu tương AK06

8 tấn phân chuồng + 40kg N + 60kg P_2O_5 + 30kg K_2O và 550kg vôi bột (Các mức bón trên tính cho 1ha).

** Kết quả đạt được.*

- Kế hoạch 10 ha, triển khai 10,2 ha, vượt kế hoạch 2%.

- Về năng suất, kế hoạch đề ra là 1,2 tấn/ha, đạt trung bình 1,66 tấn/ha. Như vậy đạt mục tiêu tăng năng suất 4,6 tạ/ha.

Các giống đậu xanh DX45 và đậu tương AK06 trong mô hình của dự án đều phù hợp với điều kiện sinh thái, cơ cấu mùa vụ của địa phương và cho năng suất khá. Giống DX45 mã hạt đẹp, dễ chăm sóc, đạt năng suất

70kg/sào, giống đậu tương AK06 với ưu điểm thời gian sinh trưởng ngắn, có thể trồng được 3 vụ trong năm, năng suất đạt 60 - 70kg/sào, tương đương 17 - 19 tạ/ha. Cả hai giống trên đã bổ xung tốt cho cơ cấu giống và mùa vụ đậu đỗ của địa phương, góp phần tăng sản lượng và đa dạng hoá sản phẩm.

1.4. Cây ngô đông

* Quy mô:

Tổng diện tích là 34,0ha, thực hiện tại một số khu của xã Hợp Lý trong vụ đông năm 2000. trong đó:

- + Giống ngô lai P11: 27,0ha
- + Giống ngô lai P60: 7,0ha

* Giải pháp kỹ thuật

- Các bước của giải pháp kỹ thuật được áp dụng giống như đối với các cây trồng khác (lúa, lạc), chỉ khác phần quy trình bón phân, cụ thể mức bón cho hai giống như sau:

8 tấn phân chuồng + 160kg N + 100kg P_2O_5 + 70kg K_2O cho 1ha

- Các giống ngô này đã được trồng tại địa phương trong 1 vài năm gần đây vì vậy dự án tập trung vào việc lựa chọn nguồn giống tốt, đảm bảo tiêu chuẩn và tập huấn đầy đủ, chi tiết quy trình thâm canh cho các hộ tham gia mô hình.

* Kết quả đạt được.

- Về diện tích: Kế hoạch đề ra là 30 ha, thực hiện 34 ha, vượt kế hoạch 13%.

- Về năng suất: Hai giống ngô P60 và P11 trong mô hình của dự án đều phù hợp với điều kiện sinh thái, thời vụ của địa phương. Hai giống ngô có thời gian sinh trưởng trong vụ đông từ 110 - 120 ngày, thích hợp với vụ đông sớm và đông chính vụ, cây cứng, chống đổ tốt, chịu hạn và chịu rét khá, kháng sâu bệnh (đốm lá lớn, khô vằn) trung bình.

- Giống ngô P60 đạt năng suất bình quân 52,5 tạ/ha
- Giống ngô P11 đạt năng suất bình quân 50,0 tạ/ha
- Năng suất ngô địa phương đạt trung bình 43 tạ/ha, như vậy 2 giống ngô đưa vào dự án vượt từ 7 - 9,5 tạ/ha. Đạt yêu cầu dự án đề ra.

Cả hai giống trên đã bổ xung tốt cho cơ cấu giống và thời vụ trồng ngô của địa phương, phù hợp với sự hướng dẫn và chỉ đạo của huyện Lập Thạch và tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về chăn nuôi

2.1. Chăn nuôi lợn

* Quy mô.

Mô hình được thực hiện tại 134 hộ gia đình, thuộc các thôn của xã Bình Dương và các khu của xã Hợp Lý, quy mô 1 con/ 1 hộ gia đình. Số lượng các loại giống được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2 : Số lượng các loại giống lợn và số hộ tham gia mô hình

Loại giống	Xã Bình Dương			Xã Hợp Lý		
	Số lượng (con)	Tháng cấp	Số hộ tham gia	Số lượng (con)	Tháng cấp	Số hộ tham gia
Lợn đực giống Yorkshire	2	T4/2000	2	-	-	-
Lợn đực giống Landrace	-	-	-	2	T11/1999	2
Lợn nái Móng Cái thuần chủng	90	T11/1999 9 T4/2000	90	40	T4/2000	40
Tổng cộng	92	-	92	42	-	42

*** Giải pháp kỹ thuật**

Mô hình chăn nuôi lợn nhằm mục tiêu cải tạo chất lượng đàn giống hiện có của địa phương, nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho các hộ nông dân. Chính vì vậy giải pháp kỹ thuật cho việc xây dựng mô hình đó là:

- Lựa chọn cẩn thận, kỹ càng các loại con giống từ các cơ quan khoa học và công ty sản xuất giống có uy tín của TƯ và địa phương.
- Tiêm phòng đầy đủ cho toàn bộ con giống trước khi chuyển cho các hộ gia đình.
- Tập huấn đầy đủ quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng trừ bệnh, thụ thai cho lợn nái, cách nuôi lợn con.vv. và phát đầy đủ tài liệu hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình và các hộ có yêu cầu học tập.
- Cán bộ chuyên môn của cơ quan khoa học cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp xây dựng mô hình thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát dục của lợn để có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

*** Kết quả đạt được.**

* Về quy mô: Kế hoạch đề ra là 102 hộ, mỗi hộ nuôi 01 con, thực hiện 134 hộ, vượt kế hoạch 31,3%.

*** Về tính thích ứng của giống:**

- Toàn bộ giống lợn nái Móng Cái thuần chủng do dự án đầu tư đều khoẻ mạnh, lợn sinh trưởng tốt, tỷ lệ sống đạt 99% (chỉ có 2 con nái Móng Cái chết/130 con, một con chết khi mới đưa về 10 ngày - do hộ gia đình chuẩn bị chuồng không đạt yêu cầu theo hướng dẫn, lợn bị cảm lạnh. 1 con chết khi 45kg do thận bị nhiễm mỡ. Lợn nái Móng Cái sau 6 - 7 tháng tuổi (trọng lượng đạt 40-45kg đã có biểu hiện động dục, các hộ gia đình đã cho thụ tinh và lợn mẹ đẻ khá tốt *12 - 14con/lứa, đàn con khoẻ mạnh, đáng vọc đẹp được các hộ gia đình đánh giá cao. Các con nái được đầu tư từ tháng 11 năm 1999 đã bắt đầu đẻ lứa thứ hai.

- Hai lợn đực giống Yorkshire và hai lợn đực giống Landrace sinh trưởng tốt, khoẻ mạnh, dáng vóc đẹp, chất lượng tinh rất tốt được nhiều hộ gia đình trong 2 xã tín nhiệm và đề nghị được lấy giống.

2.2. Chăn nuôi vịt siêu trứng CV2000

* Quy mô.

- Mô hình được thực hiện tại 215 hộ gia đình, thuộc các thôn của xã Bình Dương và các khu của xã Hợp Lý, quy mô 10 - 20 con/ 1 hộ gia đình. Số lượng giống đầu tư cho các xã được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3 : Số lượng giống vịt CV2000 và số hộ tham gia mô hình

Loại giống	Xã Bình Dương			Xã Hợp Lý		
	Số lượng (con)	Tháng cấp	Số hộ tham gia	Số lượng (con)	Tháng cấp	Số hộ tham gia
Vịt siêu trứng CV 2000	600	T11/1999	30	-	-	-
Vịt siêu trứng CV 2000	700	T4/2000	70	300	T4/2000	15
Vịt siêu trứng CV 2000	-	-	-	1000	T11/2000	100
Tổng cộng	1300	-	100	1300	-	115

* Giải pháp kỹ thuật

- Lựa chọn cẩn thận, kỹ càng loại giống để xây dựng mô hình, con giống được mua từ các cơ quan khoa học và công ty sản xuất giống có uy tín của TƯ và địa phương.
- Tập huấn đầy đủ quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng trừ bệnh..vv. và phát đầy đủ tài liệu hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình và các hộ có yêu cầu học tập.
- Toàn bộ vịt được nuôi đến 2 tuần tuổi, được tiêm phòng đầy đủ trước khi chuyển cho bà con nông dân. Tỷ lệ ghép đàn 1đực/10 cái.
- Hỗ trợ một phần thức ăn đậm đặc để các hộ nuôi trong một số ngày đầu khi chuyển giống cho các hộ gia đình để tránh sốc cho vịt con khi thay đổi môi trường sống đột ngột.
- Cán bộ chuyên môn của cơ quan khoa học cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp xây dựng mô hình thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của đàn vịt để có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

* Kết quả đạt được.

* Về quy mô: Xã Bình Dương: Kế hoạch cung cấp 800 vịt, thực hiện cấp cho dân 1.300 con (100 hộ), vượt kế hoạch 62,5%.

Xã Hợp Lý: Kế hoạch dự án không có nhưng do yêu cầu của dân, nên Ban điều hành nhất trí đưa 1.300 con vịt CV2000 vào cho xã.

** Về năng suất của giống vịt CV2000.*

- Giống vịt siêu trứng CV2000 là giống vịt được nhập từ nước Anh, có khả năng đẻ trứng cao (275-285 quả/1 năm); trứng to (trung bình 70-75 gam/quả, tỷ lệ ấp nở cao (81-83% số trứng ấp; tỷ lệ nuôi sống cao 93-95% số con nở. Thực tế mô hình chăn nuôi vịt siêu trứng CV2000 cho hiệu quả cao và nhanh chóng được mở rộng trong sản xuất.

- Số lượng vịt CV2000 dự án đầu tư có tỷ lệ sống cao (90%). Vịt sau khi nuôi 4,5-5,0 tháng đã bắt đầu đẻ, các hộ gia đình chăm sóc và nuôi dưỡng đầy đủ theo quy trình kỹ thuật hướng dẫn khả năng đẻ của vịt rất tốt, trứng to, mẫu mã đẹp, có giá trị cao (thời gian tháng 4, tháng 5/2000, 1 quả trứng vịt CV bán được 1500đ, trong đó trứng vịt khác chỉ bán được 1000đ/quả).

- Với 600 vịt giống đầu tư tháng 11/1999 và 700 vịt giống đầu tư tháng 4/2000, cùng với 1 lò ấp thủ công của 1 hộ gia đình chăn nuôi trong xã ban tiếp nhận dự án xã Bình Dương đã quản lý và chỉ đạo việc ấp nở trứng để nhân rộng dần trong xã và bán rất hiệu quả. Đến nay xã Bình Dương đã chủ động hoàn toàn giống vịt cung cấp cho các hộ chăn nuôi. Ngoài ra đã ấp và bán hàng vạn con cho rất nhiều huyện trong tỉnh Vĩnh Phúc và các tỉnh khác như: Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang.

** Khả năng mở rộng của dự án:*

- Từ hiệu quả từ mô hình chăn nuôi vịt CV2000 tại xã Bình Dương, dự án đã đầu tư 1300 vịt giống cho xã Hợp Lý (300 con vào tháng 4/2000 và 1000 con vào tháng 11/2000 để nhân rộng mô hình. Đến nay mô hình đã bắt đầu có hiệu quả và được bà con nông dân hưởng ứng mạnh mẽ.

- Trên kinh nghiệm thực tế triển khai tại Bình Dương tháng 1/2001 dự án đã đầu tư 1 tủ ấp nở trứng gia cầm, với công suất ấp trứng 4000 quả, công suất nở 450-800 quả cho xã Hợp Lý quản lý và gửi 01 người đi đào tạo tại Trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên để phục vụ công tác nhân giống và bán giống tại địa phương xã Hợp Lý.

2.3. Chăn nuôi bò đực lai Sind

** Quy mô:*

Nuôi ở 3 hộ gia đình của xã Hợp Lý, mỗi hộ 1 con.

** Giải pháp kỹ thuật*

- Lựa chọn cẩn thận, kỹ càng giống bò đực lai Sind để xây dựng mô hình, con giống được mua từ các cơ quan khoa học và công ty giống có uy tín của TƯ và địa phương.

- Tập huấn đầy đủ quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng trừ bệnh, vv. và phát đầy đủ tài liệu hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình.

* Cán bộ chuyên môn của cơ quan khoa học TƯ cùng với kỹ thuật viên cơ sở thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của bò để có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

*** Kết quả đạt được.**

Kế hoạch dự kiến hỗ trợ 12 bò đực giống lai Sind, thực hiện 3 con. Lý do: Vì hiện tại số bò cái của địa phương có ít, Ban điều hành quyết định chỉ cần đầu tư 3 con bò đực giống đủ phối giống với bò cái. Hiện nay cả 3 bò đực giống lai Sind đều khỏe mạnh, vóc dáng đẹp, chất lượng tinh tốt, các hộ tham gia mô hình đã cho phối giống với bò cái của địa phương để cải tiến chất lượng đàn bò của xã.

2.4. Đánh giá phần chăn nuôi.

- Các mô hình chăn nuôi đã thực sự phù hợp với nguyện vọng và yêu cầu của đông đảo bà con nông dân trong 2 xã Bình Dương và Hợp Lý, vì vậy các mô hình được triển khai đạt hiệu quả cao.
- Mô hình chăn nuôi lợn đực giống Landrace, Yorkshire và lợn nái Móng Cái thuần đã và đang phát huy hiệu quả, góp phần cải tiến chất lượng đàn giống của địa phương (hiện nay đa số các con nái của địa phương đã già và thoái hoá, số lượng đực giống tốt ít).
- Mô hình chăn nuôi vịt CV2000 khá phù hợp với điều kiện chăn thả (không yêu cầu nhiều ao, hồ như các giống vịt khác, và mang lại hiệu quả cao cho các hộ chăn nuôi, mô hình được nhân rộng nhanh. Tuy nhiên giống vịt CV2000 thời gian từ nuôi đến khi bắt đầu cho trứng dài hơn so với giống vịt Trung Quốc đang nuôi ở rất nhiều nơi, vì vậy nếu chỉ nuôi đơn thuần để lấy trứng ăn thì hiệu quả không cao. Nếu các xã tổ chức tốt việc ấp nở giống để bán và giải quyết tốt đầu ra thì hiệu quả thu được sẽ cao hơn.
- Xã Hợp Lý có diện tích chăn thả lớn, thuận lợi cho việc phát triển đàn bò, số lượng bò cái nhiều, bò giống chất lượng tốt rất hạn chế vì vậy mô hình chăn nuôi bò đực giống lai Sind rất phù hợp, mô hình bước đầu đã phát huy hiệu quả.

3. Đánh giá chung về mô hình 1 (xã Bình Dương) và mô hình 3 (xã Hợp Lý)

Mục tiêu của mô hình 1 và mô hình 3 là đưa một số giống cây và giống con để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong xã nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao, nâng cao mức sống của nhân dân.

Kết quả đã khẳng định:

Xã Bình Dương

- Mặc dù về quy mô triển khai cây lúa, cây lạc chưa đạt kế hoạch đề ra, nhưng về mục tiêu chọn giống và đưa cơ cấu cây lạc vào vụ đông xuân đã khẳng định chọn được giống DH85 có năng suất cao, phù hợp với địa phương, chọn được giống lạc LO3, MD7 và kỹ thuật che phủ nilon cho năng suất rất cao so với giống lạc của địa phương, được bà con ưa chuộng và thay thế 100% diện tích bằng giống lạc mới.
- Về chăn nuôi: Đã thực hiện vượt kế hoạch dự kiến về quy mô, chất lượng giống lợn và vịt đảm bảo, phù hợp thay thế các giống lợn cũ và giống vịt của địa phương. Hiện đang nhân rộng trong xã các giống này.

Ấu Hợp Lý:

- Mặc dù về quy mô triển khai cây lạc chưa đạt kế hoạch đề ra, nhưng về mục tiêu chọn giống và đưa cơ cấu cây lạc vào vụ đông xuân đã khẳng định chọn được giống lạc LVT và kỹ thuật che phủ nilon cho năng suất rất cao so với giống lạc của địa phương, được bà con ưa chuộng và thay thế 100% diện tích bằng giống lạc mới. Giống lúa mới DH85 có năng suất cao, phù hợp với địa bàn của xã, được bà con ưa chuộng.

- Về chăn nuôi: Nhìn chung đảm bảo kế hoạch đề ra, chất lượng giống lợn và vịt đảm bảo, thay thế các giống lợn cũ và giống vịt của địa phương. Hiện đang nhân rộng trong xã các giống này.

Ở cả hai xã:

Công tác đào tạo, chuyển giao kỹ thuật đã thực hiện đạt yêu cầu đề ra, đào tạo được 20 kỹ thuật viên, tập huấn cho 1.500 nông dân, 100% hộ tham gia dự án được tập huấn kỹ, triển khai đúng quy trình kỹ thuật đề ra.

Kết luận:

Đánh giá chung toàn diện về mục tiêu mô hình 1 và mô hình 3 đã đạt yêu cầu dự án đề ra, đó là chọn được một số giống cây lúa, cây lạc, giống lợn, giống vịt có năng suất cao, có thể thay thế giống cũ, tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu, tăng diện tích trồng lạc xuân, tăng nhanh diện tích các giống lúa mới có năng suất cao, cải tạo đàn lợn, đàn bò và đàn gia súc trong cơ cấu chăn nuôi nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao. Mô hình được tập huấn và chuyển giao kỹ thuật để người dân có thể tự làm sau này. Từ mô hình này người dân trong xã tiếp tục ứng dụng để mở rộng kết quả của dự án.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH 4

" Mô hình trang trại, trồng cây ăn quả xen kẽ cây bản địa nhằm tăng thu nhập, phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường sinh thái rừng".

1. Quy mô:

Tổng mô hình gồm 2.810 cây ăn quả các loại, được trồng ở vườn và trang trại của 240 hộ gia đình, trong đó:

- Mô hình trồng Đu đủ Đài Loan được thực hiện tại một số vườn của các hộ gia đình 2 xã Bình Dương và Hợp Lý, với quy mô 10 - 15 cây/hộ.
- Mô hình trồng cây ăn quả có giá trị cao (nhãn, vải, xoài...vv) được thực hiện tại các trang trại đang đầu tư xây dựng của các hộ gia đình tại xã Hợp Lý.

Số lượng các loại cây giống ăn quả được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4: Số lượng cây giống ăn quả và số hộ gia đình tham gia mô hình

Loại giống	Xã Bình Dương			Xã Hợp Lý		
	Số lượng (cây)	Tháng cấp	Số hộ tham gia	Số lượng (cây)	Tháng cấp	Số hộ tham gia
Du đủ Đài Loan	500	T5/1999	45	710	T5/1999	60
Nhãn lồng ghép	-	-	-	300	T11/199	30
	-	-	-	700	9	70
					T2/2000	
Vải thiếu ghép	-	-	-	100	T11/199	10
	-	-	-	300	9	25
					T2/2000	
Xoài ghép GL1	-	-	-	100	T2/2000	*
Chanh không hạt	-	-	-	100	T2/2000	*
Tổng cộng	500	-	45	2310	-	195

*: Các hộ trồng xoài và trồng chanh là những hộ tham gia trồng nhãn hoặc vải ở trên.

2. Giải pháp kỹ thuật.

- Nghiên cứu lựa chọn các loại cây ăn quả phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện đầu tư của hộ gia đình để xây dựng mô hình, cây giống được mua từ các cơ quan khoa học và các trang trại sản xuất cây giống có uy tín của TƯ và địa phương.
- Toàn bộ cây giống đảm bảo thời gian xuất và được trồng trong bầu đất để đảm bảo tỷ lệ sống sau trồng của cây > 95%
- Tập huấn đầy đủ quy trình kỹ thuật (kỹ thuật đào hố trồng, bón phân, phòng trừ sâu bệnh..vv) và phát đầy đủ tài liệu hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình.
- Chuyên gia cây ăn quả của cơ quan khoa học TƯ cùng với kỹ thuật viên cơ sở thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của các loại cây ăn quả để có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

3. Kết quả đạt được

* Về quy mô: Kế hoạch 10 ha, thực hiện 10 ha, đạt yêu cầu đề ra.

* Về tính thích ứng của các giống cây:

- Tháng 5 năm 1999, dự án đã cung cấp 710 cây giống du đủ Đài Loan cho 2 xã Bình Dương và Hợp Lý để xây dựng mô hình, đây là một giống du đủ lai, cho năng suất cao (70kg quả/ cây) và đặc biệt quả có hàm lượng đường cao (14%). Việc xây dựng mô hình trồng giống cây du đủ này nhằm mục đích làm phong phú các loại cây ăn quả trong các trang trại cũng như vườn gia đình, tăng thêm nguồn thu và cải thiện chế độ dinh dưỡng cho các hộ nông dân.

Cây đu đủ Đài Loan sinh trưởng, phát triển tốt (trừ một số cây bị mất hoặc chết do chuột ăn). Những hộ gia đình áp dụng đúng TBKT, có sự đầu tư chăm sóc đầy đủ thực sự mang lại hiệu quả kinh tế cao, chỉ sau 6 tháng trồng đã có sản phẩm thu hoạch và có thể đạt từ 30 - 40kg quả/cây, có thể trồng tốt trong các vườn gia đình cũng như trong các trang trại. Tuy nhiên do trình độ áp dụng TBKT, sự đầu tư chăm sóc của các hộ khác nhau, vì vậy sản lượng và chất lượng quả không được đồng đều ở toàn bộ các hộ gia đình.

- Tháng 11 năm 1999, dự án đã đầu tư 300 cây nhãn lồng ghép và 200 cây vải thiều ghép để trồng trong một số trang trại tại xã Hợp Lý. Tháng 2 năm 2000, dự án đã tiếp tục đầu tư 700 cây nhãn, 300 cây vải, 100 cây chanh không hạt, 100 cây xoài ghép GL1 để tiếp tục xây dựng mô hình. Ngoài cây nhãn và vải là 2 loại cây ăn quả đã được trồng phổ biến tại địa phương, dự án cũng đã đưa giống xoài ghép GL1 - là giống có năng suất cao chất lượng tốt, thích hợp với điều kiện trồng của miền Bắc để trồng thử tại địa phương. Nếu điều kiện sinh thái phù hợp cho cây xoài GL1 phát triển sẽ mở ra hướng phát triển mới cho các vườn gia đình và các trang trại đang kiến thiết tại địa phương vì xoài là loại cây ăn trái có giá trị dinh dưỡng và giá trị hàng hoá cao.

Hiện nay toàn bộ lượng cây này đều sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ sống cây sống đạt 99%, mô hình đã bước đầu cho hiệu quả, cùng với các loại cây ăn quả khác của các trang trại đang xây dựng, cây ăn quả do dự án đầu tư đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình kiến thiết cơ bản và làm phong phú thêm sản phẩm cho các trang trại của các hộ tham gia mô hình. Điều quan trọng hơn đó là các hộ nông dân đã nắm được quy trình kỹ thuật trồng cây, qua đó có thể tự quyết định đầu tư sản xuất theo đúng cách và đúng hướng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH 2

"Xây dựng mô hình vệ sinh môi trường nông thôn, bằng cách triển khai TBKT thu gom phân gia súc, chất phân huỷ hữu cơ thành khí Biogas phục vụ đun đốt".

1. Quy mô của mô hình

Xây dựng 03 hầm khí sinh học Biogas dạng kiên cố tại 3 hộ của xã Bình Dương, mỗi hầm $8,0m^3$.

2. Giải pháp kỹ thuật

- Chọn cơ quan, đơn vị đã triển khai tốt mô hình này ở các địa phương, ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ.

- Cử cán bộ theo dõi và giám sát việc xây dựng mô hình.

3. Kết quả triển khai

Kế hoạch xây dựng 6 hầm có dung tích 3 - $4m^3$. Sau khi lấy ý kiến các hộ đều muốn xây dựng loại $8m^3$ cho phù hợp, vì vậy Ban điều hành quyết định xây 3 hầm loại $8m^3$ (kinh phí tương đương xây 6 hầm loại 3 - $4m^3$). Hiện nay 3 hầm đi vào hoạt động tốt ở địa phương. Năm 2002 dự kiến nhân dân sẽ thăm quan các mô hình này và tiếp tục triển khai 20 - 30 hầm từ nguồn kinh phí của dân.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NỘI DUNG HUẤN LUYỆN, TUYÊN TRUYỀN VÀ PHỔ BIẾN KỸ THUẬT.

1. Huấn luyện cán bộ và phổ biến kỹ thuật cho nông dân.

Đây được coi là một nội dung rất quan trọng của dự án. Bởi vì chỉ khi cán bộ và nông dân của địa phương hiểu và nắm vững kỹ thuật, biết cách ứng dụng và thực hành kỹ thuật đó một cách nhuần nhuyễn thì kỹ thuật đó mới thành công và mang lại hiệu quả cao cho sản xuất trong nhiều năm, kể cả khi dự án không còn triển khai tiếp. Kết quả cụ thể của nội dung này như sau:

- Tổ chức 25 lớp tập huấn, phát tài liệu hướng dẫn kỹ thuật theo từng thời kỳ, mùa vụ, đối tượng cây trồng, vật nuôi cho 2 xã Bình Dương và Hợp Lý. Những người trực tiếp được tham gia lớp tập huấn kỹ thuật là bà con nông dân tham gia dự án, những người có nguyện vọng được học tập kinh nghiệm, bí thư, trưởng phó các thôn, cụm... với tổng cộng khoảng 3.000 lượt người nông dân và 100 lượt cán bộ kỹ thuật của các xã đã tham gia các lớp tập huấn. Tất cả nội dung tập huấn đều rõ ràng, đơn giản dễ hiểu, phù hợp với trình độ dân trí của mọi người dân địa phương. Sau khi mở các lớp tập huấn, Viện luôn cử cán bộ chuyên môn xuống chỉ đạo và nắm tình hình trực tiếp tại cơ sở, hướng dẫn cụ thể cho bà con nông dân, vì vậy các mô hình luôn đạt hiệu quả cao.
- Dự án cũng đã tổ chức một lớp đào tạo kỹ thuật viên, làm công tác khuyến nông cho 2 xã, với 30 người tham gia. Nội dung và chương trình của lớp học mang tính chất sâu và rộng, trên nhiều đối tượng cây trồng, vật nuôi. Lớp học cũng chú trọng cả phần phương pháp chuyển giao kỹ thuật tiến bộ để xây dựng các mô hình sản xuất. Sau khi được đào tạo, đội ngũ kỹ thuật viên này đã phát huy được năng lực của mình và cùng với cán bộ chuyên môn của dự án chỉ đạo thành công nhiều mô hình.
- Dự án cũng đã gửi 01 người của xã Hợp Lý đi học tập kỹ thuật áp nỏ trứng gia cầm tại Trung tâm Nghiên cứu vịt Đại Xuyên - Hà Tây trong thời gian 2 tuần. Dự án đã đầu tư cho xã Hợp Lý 01 tủ áp với công suất vào áp 4000 quả, công suất nỏ 450 - 800 quả/ lượt để xã quản lý và có thể tự chủ động các nguồn giống gia súc, gia cầm cho địa phương mình và các địa phương khác khi có nhu cầu.

Giảng viên của các lớp tập huấn, đào tạo kỹ thuật trên đều là những cán bộ khoa học có kinh nghiệm truyền đạt, kinh nghiệm thực tế chỉ đạo sản xuất, đặc biệt là ở vùng trung du, miền núi.

2. Các loại tài liệu đã được biên soạn.

- Quy trình kỹ thuật thâm canh các loại giống lúa thuần: D42, S15; DT122, 9855, 98-30; DH85; Khang dân 18; Q5;
- Quy trình kỹ thuật thâm canh các loại giống lúa lai: Bồi tạp Sơn Thanh; II tại 838
- Quy trình kỹ thuật thâm canh giống lạc LO3; LVT và MD7
- Quy trình công nghệ che phủ nilon cho lạc xuân

- Quy trình kỹ thuật thâm canh giống ngô P11 và P60
 - Quy trình kỹ thuật thâm canh giống đậu tương AK06
 - Quy trình kỹ thuật thâm canh giống đậu xanh DX45 và T135
 - Quy trình kỹ thuật nuôi vịt siêu trứng CV2000
 - Quy trình kỹ thuật nuôi lợn nái thuần Móng Cái
 - Quy trình kỹ thuật nuôi lợn đực giống Landrace
 - Quy trình kỹ thuật nuôi lợn đực giống Yorkshire
 - Quy trình kỹ thuật nuôi bò đực giống lai Sind
 - Quy trình kỹ thuật trồng nhãn, vải, đu đủ, hồng, na, xoài, cam, chanh
 - Tài liệu hướng dẫn xây dựng hệ thống thiết bị khí sinh học (Biogas)
 - Sách giới thiệu giống cây trồng, vật nuôi
- Tất cả tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đều được in và phát trực tiếp tới tay bà con nông dân.

3. Tổ chức thăm quan đầu bờ, học tập các mô hình tiên tiến.

Trong 2 năm, dự án tổ chức 10 hội nghị thăm quan đầu bờ các mô hình được xây dựng tại xã, với sự tham gia của đông đảo bà con nông dân và đại diện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Sở NN&PTNT, Sở KH&CN&MT, UBND huyện Vĩnh Tường, huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc và một số phòng ban, cơ quan chức năng, cơ quan quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc và các tỉnh khác. Thông qua việc thăm quan đầu bờ, dự án cùng bà con nông dân đánh giá những thành công, cũng như còn tồn tại, rút kinh nghiệm, phát huy những thành công đã đạt được, khắc phục những điểm còn tồn tại để xây dựng các mô hình tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn và nhân rộng các mô hình đã có hiệu quả ra sản xuất.

4. Thông tin, tuyên truyền.

Dự án đã mời phóng viên Báo nông nghiệp, Báo Khoa học, đời sống, Đài truyền hình Việt Nam, báo, đài tỉnh Vĩnh Phúc tham dự các buổi hội nghị đầu bờ, hội thảo khoa học, hội nghị sơ kết dự án để giới thiệu những kết quả thành công của dự án, khuyến khích mở rộng các mô hình có hiệu quả cao cho các xã, huyện trong tỉnh Vĩnh Phúc.

PHẦN III. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

1. Nhân xét chung về kết quả thực hiện các nội dung dự án.

Sau 2 năm thực hiện, được sự chỉ đạo của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, sự phối hợp thường xuyên và hiệu quả của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc, Ủy ban nhân dân hai huyện Vĩnh Tường và Lập Thạch, Ủy ban nhân dân hai xã Bình dương và Hợp Lý và bà con nông dân tham gia mô hình dự án đã triển khai một cách thuận lợi và thu được nhiều kết quả.

- Nhìn chung tất cả các nội dung của dự án đã được hoàn thành. Các mô hình về trồng trọt, chăn nuôi đã đạt nhiều kết quả khả quan. Qua các

kết quả đã được chứng minh của mô hình càng khẳng định ý nghĩa và tính đúng đắn của các mục tiêu và nội dung đề ra.

- Dự án đã rất thành công trong việc xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu giống lạc và thâm canh lạc với quy trình công nghệ che phủ nilon, mô hình thâm canh ngô, lúa; mô hình chăn nuôi lợn Nái Móng Cái thuần chủng, lợn đực giống, bò đực giống, trồng cây ăn quả. Các mô hình đã chứng minh được tính phù hợp trên địa bàn hai huyện Vĩnh Tường và Lập Thạch nói riêng và tỉnh Vĩnh Phúc nói chung. Nhiều mô hình đã được đông đảo bà con nông dân tiếp thu, duy trì và mở rộng trong sản xuất.
- Qua 2 năm thực hiện, dự án đã chuyển giao cho 2 xã Bình dương và Hợp Lý rất nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới (giống lúa DH85, 98-30; 98-55, Q5, lúa lai hai dòng Bồi tạp Sơn Thanh, lúa lai TQ 3 dòng II ưu 838.vv, giống lạc LVT, MD7, LO3; giống ngô P60; P11, giống vịt siêu trứng CV2000, lợn nái thuần Móng Cái, lợn đực giống Landrace, yorskire, bò đực giống lai Sind, giống cây ăn quả nhãn, vải, xoài, đu đủ Đài Loan... vv) và kèm theo các quy trình kỹ thuật mới. Những kỹ thuật tiến bộ này đã góp phần đáng kể vào sự phát triển hệ thống cây trồng, thay đổi tập quán canh tác của rất nhiều nông dân. Phần lớn các tiến bộ kỹ thuật này được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Trung tâm khuyến nông của tỉnh Vĩnh Phúc, bà con nông dân nhiều xã đánh giá cao, tiếp nhận và mở rộng trong sản xuất.
- Qua 2 năm thực hiện, dự án đã tập huấn kỹ thuật cho một lượng lớn cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý của 2 xã Bình Dương và Hợp Lý. Cùng với việc tập huấn, dự án đã biên soạn, in ấn số lượng lớn quy trình kỹ thuật và sách hướng dẫn và phát tới tận tay bà con nông dân. Đây là một hình thức chuyển giao kỹ thuật tiến bộ, nhanh chóng, kinh tế và rất hiệu quả. Đến nay, trình độ hiểu biết và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật của nông dân đã được nâng lên một bước đáng kể, trình độ quản lý và chỉ đạo sản xuất của cán bộ xã, cán bộ thôn đã được cải thiện rõ rệt. Đây chính là kết quả lâu dài và bền vững của dự án.

2. Hiệu quả kinh tế trực tiếp của dự án.

2.1. Mô hình 1 "Xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng có năng suất cao, tăng thu nhập, nâng cao mức sống của người dân - triển khai tại xã Bình dương" và Mô hình 3 "Đưa giống cây, con có năng suất cao, ổn định nhằm xoá đói, giảm nghèo các hộ trong xã, nâng cao mức sống và trình độ dân trí trong nhân dân- triển khai tại xã Hợp Lý".

2.1.a. Trồng trọt:

* Về cây lúa:

Qua 2 năm thực hiện dự án đã xây dựng được 92,0ha lúa xuân và 81,8ha lúa mùa, ước tính 70% diện tích mô hình tăng 5,0tạ/ha, tổng sản lượng thóc tăng là 65.500kg, đây là con số tính toán đơn giản, dựa trên diện

tích mô hình đã được xây dựng. Tuy nhiên trong th
thuần như: Khang dân 18, Q5, DH85, 98-30, 98-55
trong hai xã và quy trình kỹ thuật canh tác mới
bộ quá trình gieo cây của bà con nông dân sẽ l
lượng thực của 2 xã, như vậy hiệu quả trực tiế

trứng và ấp nở là

1 và bò cái của
hát huy hiệu
con dễ nuôi.
lợn hần bò
chủ động
phí cho

11TH11

*** Về cây lạc xuân:**

Trong 2 năm dự án đã xây dựng 1/
lạc: LO3: LVT và MD7 với biện pháp k
quy trình công nghệ che phủ nilon. Qua
cao hơn nhiều so với tập quán canh tác cũ
diện tích 14,0ha mô hình đều cho năng suất b
của địa phương 12 đến 13 tạ/ha, như vậy tổng sản l
mô hình là 170 - 180 tạ. Hiện nay phần lớn diện tích cây
Lý và Bình Dương đều được trồng bằng 3 giống lạc trên, c
định tính hiệu quả cao của mô hình.

ấm
ái

*** Về cây ngô:**

Vụ đông năm 2000 dự án đã đầu tư xây dựng 34,0ha mô hình giống
ngô P60 và P11. Giống ngô P11 cho năng suất bình quân 46,0 tạ/ha, giống
ngô P60 đạt năng suất bình quân 50,0 tạ/ha, cao hơn so với giống đang sản
xuất của địa phương 4 tạ/ha, sản lượng ngô đã tăng từ mô hình là 136 tạ.

*** Về cây đậu xanh DX45 và đậu tương AK06:**

- Diện tích mô hình giống đậu xanh DX45 không lớn, chỉ có 0,2ha
nhưng đã góp phần bổ xung cơ cấu giống đậu đỗ cho địa phương. Các hộ
nông dân tham gia mô hình đã thu được 350,0kg đậu xanh giống và có thể
bán và trao đổi để duy trì giống và nhân rộng ở các vụ sau.

- Diện tích mô hình giống đậu tương AK06 là 10,0ha, với năng suất
bình quân đạt 19 tạ/ha, tăng so với một số giống đang trồng phổ biến
4 tạ/ha, như vậy mô hình đã góp phần làm tăng thêm sản lượng đậu tương
là 40 tạ. Giống đậu tương AK06 có thể trồng cả 3 vụ trong năm, thuận lợi
cho việc bố trí tăng vụ trong năm, góp phần làm tăng năng suất và sản
lượng đậu tương của xã.

2.1.b. Chăn nuôi:

- Chăn nuôi lợn nái Móng Cái thuần chủng và lợn dục giống
Landrace, Yorkshire đang từng bước cải tiến chất lượng đàn lợn của địa
phương. Bà con nông dân có thể chủ động được con giống tốt, không phải
mua từ bên ngoài, giảm chi phí đầu tư sản xuất đồng thời chất lượng con
giống tốt sẽ làm tăng năng suất, tăng hiệu quả chăn nuôi.

- Chăn nuôi vịt CV2000 dễ nuôi, phù hợp với điều kiện của các địa
phương có diện tích ao hồ ít và có thể nuôi theo cả hai hướng sản xuất
trứng và thịt, mô hình mang lại hiệu quả cao được bà con chấp nhận và tự
nhân rộng. Với khả năng đẻ tốt (275-285 quả/1 năm); trứng to (trung bình
70-75 gam/quả, tỷ lệ ấp nở cao (81-83% số trứng ấp); tỷ lệ nuôi sống cao

(93-95% số con nở), hiệu quả kinh tế thu được từ việc bán trứng và ấp nở là rất lớn.

- Thông qua việc phối giống giữa bò đực giống lai Sind và bò cái của địa phương, mô hình nuôi bò đực giống lai Sind đã và đang phát huy hiệu quả, từng bước cải tiến chất lượng đàn bò của địa phương, bò con dễ nuôi, dễ thích nghi với điều kiện địa phương, có năng suất và tầm vóc hơn hẳn bò địa phương vì vậy sẽ tăng hiệu quả cho các hộ chăn nuôi bò. Việc chủ động về phối giống cho bò cái ngay tại địa phương cũng giảm đáng kể chi phí cho các hộ.

2.2. Mô hình trang trại, trồng cây ăn quả xen kẽ cây bản địa nhằm tăng thu nhập, phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường sinh thái rừng (mô hình 4 - ở xã Hợp Lý).

- Với sự đầu tư số lượng lớn cây ăn quả có giá trị cao (nhãn, vải, xoài...) dự án đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình hoàn thiện giai đoạn kiến thiết cơ bản của các trang trại, giảm bớt chi phí cho các hộ gia đình trong giai đoạn đầu. Đây là hình thức hợp tác nhà nước và nhân dân cùng làm rất có hiệu quả. Trong 3 - 4 năm tới khi các mô hình trang trại này có hiệu quả sẽ thúc đẩy nhanh quá trình hình thành các trang trại của các hộ gia đình nông dân khác, vì khi đó họ có thể nhìn trực tiếp và thấy rõ hiệu quả của các trang trại, góp phần giảm chặt phá rừng, tăng phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường. Khi số lượng các trang trại nhiều sẽ tạo thành vùng lớn trồng cây ăn quả, các sản phẩm sẽ trở thành hàng hoá hiệu quả kinh tế thu được từ trang trại là rất lớn.

- Mô hình cây Đu đủ Đài Loan do lượng cây giống chia nhỏ cho các hộ gia đình (10 - 15 cây/ 1 hộ), sản xuất chưa tập trung, năng suất quả không đồng đều giữa các hộ, sản phẩm chủ yếu để cải thiện cho gia đình, chưa trở thành hàng hoá vì vậy giá trị của mô hình là góp phần làm đa dạng sản phẩm trồng trọt, cải thiện chế độ dinh dưỡng trong bữa ăn của nông dân. Muốn tạo những mô hình có hiệu quả kinh tế cao phải quy hoạch tập trung, đầu tư thâm canh theo quy trình kỹ thuật và điều quan trọng phải có đầu ra cho sản phẩm.

2.3. Mô hình "Xây dựng mô hình vệ sinh môi trường nông thôn, bằng cách triển khai TBKT thu gom phân gia súc, chất phân huỷ hữu cơ thành khí Biogas phục vụ đun đốt" (mô hình 2 - ở xã Bình Dương).

- Khi các điểm điểm sản xuất khí biogas được xây dựng xong, mỗi năm 1 mô hình có thể thu gom 18 tấn - 20 tấn phân gia súc, gia cầm. Một điểm có thể sản xuất lượng khí gas thay thế từ 0,9 tấn than cám đến 1,0 tấn than cám/năm.

- Mô hình góp phần làm sạch vệ sinh môi trường, giảm chi phí về nguyên liệu đốt cho các hộ gia đình.

3. Hiệu quả về xã hội.

• Thông qua các lớp đào tạo và huấn luyện dự án đã góp phần nâng cao trình độ hiểu biết và tiếp thu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho cán bộ và bà con nông dân 2 xã Bình Dương và Hợp Lý. Hình thức này

đã tạo điều kiện cho bà con nông dân tiếp cận với kỹ thuật mới, cách làm mới, tăng hiệu quả lao động. Qua thực tế hai năm triển khai dự án, bà con nông dân các xã được tham gia dự án đều tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới rất nhanh và hiệu quả.

- Dự án đã đào tạo được đội ngũ kỹ thuật viên, đội ngũ khuyến nông từ khu, thôn đến xã có trình độ cao hơn về khoa học kỹ thuật và năng lực tổ chức, chỉ đạo sản xuất. Dự án cũng tạo cơ hội để cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông của xã, tiếp cận, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm, kiến thức khoa học với nhiều cán bộ khoa học giỏi của các Viện nghiên cứu, trường Đại học và các cơ quan khoa học khác. Sau khi dự án kết thúc họ sẽ tiếp tục chủ động duy trì và phát triển tốt mối quan hệ này để học hỏi và tiếp cận nhiều hơn nữa những tiến bộ kỹ thuật mới phục vụ sản xuất của địa phương
- Mô hình hầm khí sinh học Biogas được nhân rộng sẽ góp phần làm sạch môi trường nông thôn, nâng cao sức khỏe cộng đồng, giảm tác hại xấu đối với sức khỏe con người do ô nhiễm môi trường gây ra.
- Từ những hiệu quả đạt được của các mô hình sẽ kích thích tính năng động, sáng tạo và lòng say mê lao động sản xuất của bà con nông dân, qua đó tăng thêm công ăn việc làm, tăng sản phẩm hàng hoá, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xoá đói, giảm nghèo và loại trừ tệ nạn xã hội, ổn định chính trị trong vùng.

PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận.

1.1. Việc thực hiện dự án " *Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi, triển khai tại xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường và xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc*" rất phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương. Dự án đã khai thác tốt tiềm năng sẵn có của địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói, giảm nghèo, từng bước ổn định và nâng cao đời sống của bà con nông dân trong xã.

1.2. Các mô hình giống lúa DH85, Khang dân 18, Q5, lúa lai hai dòng Bồi Táp Sơn Thanh là những mô hình đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với cả 2 vụ xuân, mùa, đảm bảo thuận lợi cho việc bố trí cây trồng vụ đông.

1.3. Mô hình lạc xuân với quy trình công nghệ che phủ nilon là mô hình rất thành công và đạt hiệu quả cao. Các giống lạc mới: LO3, LVT và MD7 đặc biệt là giống lạc MD7 - là giống có năng suất cao và kháng bệnh héo xanh vi khuẩn (người dân gọi là bệnh chết ẻo) có thể thay thế hoàn toàn các giống cũ của địa phương.

1.4. Mô hình cây đậu xanh DX45, đậu tương AK06 đã góp phần bổ xung thêm cơ cấu giống đậu đỗ cho địa phương.

1.5. Mô hình thâm canh tăng năng suất giống ngô P60 cũng thành công và mang lại hiệu quả cao, giống ngô P60 có thể mở rộng trong các vụ đông tiếp theo.

1.6. Mô hình nuôi vịt siêu trứng CV2000 ở các hộ gia đình là khá phù hợp điều kiện địa phương.

1.7. Mô hình chăn nuôi lợn, bò là các mô hình với các mục tiêu lâu dài là cải tiến chất lượng đàn bò, đàn lợn của địa phương, thông qua đó góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho các hộ gia đình. Đến nay dự án bước đầu cho hiệu quả, mô hình phù hợp với nguyện vọng và được sự tham gia nhiệt tình của người dân.

1.8. Mô hình trồng cây ăn quả có giá trị ở các trang trại đang kiến thiết là mô hình rất phù hợp với vùng nông thôn, miền núi xã Hợp Lý. Mô hình đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình hình thành các trang trại, giảm chặt phá rừng, tăng diện tích phủ xanh đồi trọc. Các mục tiêu này rất phù hợp với chủ trương, đường lối của huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc và Nhà nước.

1.9. Mô hình xây dựng hầm khí sinh học Biogas rất phù hợp với điều kiện nông thôn mà chăn nuôi mạnh mẽ, kinh tế phát triển như xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

1.10. Qua 2 năm thực hiện, dự án đã huy động một lực lượng đông đảo cán bộ khoa học Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam và một số cơ quan khoa học khác của TƯ và địa phương tham gia và chuyển giao kỹ thuật tiến bộ cho bà con nông dân. Bằng những kết quả cụ thể của các mô hình trình diễn, dự án đã giúp người dân thay đổi cách nghĩ, cách làm, thay đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, phát huy tiềm năng sẵn có của địa phương, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế.

1.11. Dự án là mô hình tốt về đào tạo, nâng cao kiến thức, trình độ quản lý cho cán bộ và nhân dân trong thôn, xã.

1.12. Trong thời gian thực hiện dự án đã có sự cộng tác, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa cán bộ khoa học, cán bộ quản lý của Trung ương với cấp tỉnh, cấp huyện và địa phương các xã thực hiện dự án.

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam và các cơ quan phối hợp tham gia thực hiện dự án đều nhất trí đánh giá đây là dự án đạt kết quả cao, có ý nghĩa thực tiễn lớn, đáp ứng các mục tiêu và nội dung đặt ra của dự án.

2. Kiến nghị:

- Nên kéo dài dự án 3 năm và tập trung vào 1 xã.
- Hàng năm cấp kinh phí vào tháng 8 để dự án triển khai trong vụ đông xuân, các dự án Bộ cấp vào cuối năm nên triển khai bị hạn chế.

SỞ KHOA HỌC - CN&MT VĨNH PHÚC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
SỞ KHOA HỌC - CN&MT
.....

BÁO CÁO NGHIỆM THU
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH TẠI XÃ HỢP LÝ,
HUYỆN LẬP THẠCH THUỘC DỰ ÁN:

" Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ
phục vụ phát triển kinh tế, xã hội nông thôn và miền núi"

VĨNH PHÚC THÁNG 3 NĂM 2001



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC
SỞ KHOA HỌC - CN&MT

BÁO CÁO NGHIỆM THU
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH TẠI XÃ HỢP LÝ,
HUYỆN LẬP THẠCH THUỘC DỰ ÁN:

"Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ
phục vụ phát triển kinh tế, xã hội nông thôn và miền núi"

- Cấp quản lý: Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường
- Cơ quan chủ quản dự án:
Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Vĩnh Phúc.
- Cơ quan chính chuyên giao khoa học công nghệ:
Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp:
 - Viện Chăn nuôi.
 - Viện Nghiên cứu ngô.
 - Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc.
 - Trung tâm Giống cây lương thực Vĩnh Phúc.
 - Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch.
 - Ủy ban nhân dân xã Hợp Lý.
- Thời gian thực hiện:
 - Từ tháng 1 năm 1999 đến tháng 1 năm 2001

PHẦN I.

KHÁI QUÁT VÙNG DỰ ÁN, MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG DỰ ÁN

I. GIỚI THIỆU DỰ ÁN.

Thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và quyết định số 72/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc phát triển toàn diện kinh tế, xã hội nông thôn, miền núi. Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường trong các hoạt động hỗ trợ khoa học công nghệ cho các vùng nông thôn, miền núi đã chấp thuận cho tỉnh Vĩnh Phúc xây dựng và tổ chức thực hiện dự án "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn

và miền núi, triển khai tại xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường và xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc".

Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc - cơ quan chủ quản dự án đã chọn Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam làm cơ quan khoa học chính chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp để triển khai các nội dung của dự án.

*** Vài nét về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội xã Hợp Lý:**

- Xã thuộc vùng núi, có quốc lộ 2C đi Tuyên Quang chạy qua, cách thị xã Vĩnh Yên 25 km về phía Đông, cách trung tâm huyện Lập Thạch 10km.

- Địa hình xã Hợp Lý nghiêng từ Tây Bắc xuống Đông Nam, chủ yếu là đồi núi thấp và các thung lũng nhỏ.

- Xã chịu ảnh hưởng của vùng núi Tam Đảo, lượng mưa trong năm phân bố không đều và chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 (chiếm 80- 85% lượng mưa tổng số), mùa khô từ tháng 11 đến tháng tư năm sau (chiếm 15% - 20% lượng mưa tổng số).

+ Lượng mưa trung bình năm: 1670mm

+ Độ ẩm từ 80 - 86%

+ Số ngày nắng: bình quân 267 ngày/năm.

- Nhiệt độ trung bình năm: 24,5°C, nhiệt độ cao nhất 39 °C, nhiệt độ thấp nhất 4 °C. Có 2 hướng gió chính là Đông Bắc và Đông Nam, ít có sương mù.

- Mực nước ngầm trung bình vào mùa khô sâu từ 8- 9m, mùa mưa 3 - 4m. Có sông Phó Đáy chảy qua, ngoài ra có một số khe suối nhỏ và một số hồ đập do các xã khác xây dựng vì vậy mùa khô thường bị hạn và mùa mưa nước lên nhanh gây lũ úng cục bộ.

- Tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 801,88ha, trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 181,96ha(chủ yếu là đất 2 vụ lúa: 119,03ha (chiếm 65%); đất cây công nghiệp ngắn ngày + màu: 19,94ha (chiếm 11%); còn lại là các loại đất khác

+ Đất lâm nghiệp : 377,90ha

+ Đất có khả năng nông lâm nghiệp: 80,00ha

+ Đất chuyên dùng: 100,49ha

+ Sông suối: 29,70ha

+ Đất khác: 31,83ha

- Tổng dân số của xã năm 1997 là 4928 người (820 hộ), 100% là người Kinh.

- Cơ sở hạ tầng chưa hoàn chỉnh, nhiều công trình công cộng đã cũ và xuống cấp.

- Kinh tế thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, đời sống nhân dân còn thấp, hộ giàu chiếm khoảng 8.4%, hộ đói nghèo còn chiếm tỷ lệ khá cao: 21.4%

(số liệu năm 1998)

Xã Hợp Lý là xã miền núi có điều kiện đất đai tương đối tốt, khí hậu thuận lợi, không có những diễn biến bất thường có khả năng phát triển nhiều loại

cây trồng, đa dạng hoá các sản phẩm nông nghiệp. Giao thông đến xã thuận tiện, có Quốc lộ 2C đi Tuyên quang chạy qua, khả năng giao lưu và lưu thông hàng hoá thuận lợi. Lực lượng lao động dồi dào, nông dân cần cù trong sản xuất. Tổ chức Đảng, Chính quyền và các đoàn thể đoàn kết, vững mạnh.

Tuy nhiên xã còn gặp một số khó khăn đó là: trình độ canh tác chưa cao, việc ứng dụng và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật còn rụt rè, hạn chế và chậm, các tiến bộ kỹ thuật áp dụng chưa đồng bộ vì vậy hiệu quả sản xuất chưa cao.

II. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN TẠI XÃ HỢP LÝ:

1. Triển khai 02 mô hình:

+ Mô hình 3. Đưa giống cây, con có năng suất cao, ổn định nhằm xoá đói, giảm nghèo các hộ trong xã, nâng cao mức sống và trình độ dân trí trong nhân dân.

+ Mô hình 4. Mô hình trang trại, trồng cây ăn quả xen kẽ cây bản địa nhằm tăng thu nhập, phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường sinh thái rừng.

2. Nhân rộng kết quả của các mô hình ra toàn xã và một số xã khác trong huyện.

3. Đào tạo cán bộ, kỹ thuật viên, nâng cao trình độ quản lý, triển khai các tiến bộ kỹ thuật cho xã, huyện. Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật nâng cao trình độ hiểu biết và áp dụng khoa học kỹ thuật cho bà con nông dân.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA CÁC MÔ HÌNH:

1. Mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi:

- Chuyển đổi một số diện tích giống cũ, bằng một số giống mới năng suất cao, phẩm chất khá như 98-30, DH-85, CN122, lúa lai, lúa thuần TQ. Năng suất trung bình tăng 11 - 12 tạ/ha/năm, trên diện tích 40 ha/2 năm.

- Đưa cây ngô vụ đông vào đại trà, ứng dụng các giống mới P11, LVN 4, Biopod..., đưa năng suất ngô tăng 7 tạ/ha so với các giống cũ. Diện tích mô hình là 10 ha.

- Đưa giống đậu tương AK06, đậu xanh T135 thay thế giống cũ, năng suất dự kiến tăng 4 tạ/ha so với các giống địa phương. Diện tích mô hình 7,5 ha.

- Đưa giống lạc mới năng suất cao LVT, ứng dụng TBKT che phủ nilon cho lạc nhằm tăng năng suất lạc 6 tạ/ha so với các giống cũ của địa phương. Diện tích mô hình là 15 ha.

- Trong chăn nuôi, đưa đàn lợn lai kinh tế, đàn vịt siêu trứng CV2000 để xây dựng một số mô hình chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với

điều kiện địa phương. Đưa lợn đực giống Landrace và bò lai Sind để cải tạo chất lượng đàn lợn và bò tăng hiệu quả chăn nuôi cho nông dân.

2. Xây dựng mô hình trang trại trồng cây ăn quả xen cây bản địa : diện tích 10 ha. Đưa các giống cây ăn quả có triển vọng (nhãn, vải, xoài, đu đủ) vào một số trang trại tại xã Hợp Lý. ứng dụng các TBKT như trồng xen, trồng theo quy hoạch phân bố địa hình và sườn dốc... để tạo nên các thảm cây phù hợp giữa cây ăn quả và cây bản địa. Đến năm 2005, mô hình có thể thu nhập 15 triệu đồng/ha trang trại.

3. Nhân rộng kết quả của các mô hình ra toàn xã và một số xã khác trong huyện.

- Sau khi tổng kết các mô hình vào đầu năm 2001. Đến năm 2005 có khả năng nhân rộng các giống lúa có năng suất cao, ổn định ở xã Hợp Lý là 100ha (chiếm 55% diện tích lúa), huyện Lập Thạch 2000 ha (chiếm 19% diện tích trồng lúa của cả huyện).

- Mô hình lạc, đậu tương có khả năng nhân rộng ra từ 100 - 150 ha đối với xã và 600 - 800 ha đối với huyện.

- Đàn vịt CV 2000 có thể nhân ra từ 150 - 200 đàn. Đàn bò lai Sind phát triển chiếm 20% tổng đàn bò huyện Lập Thạch, bằng 6000 con.

- Mô hình trang trại ở Lập Thạch có thể nhân ra 100 trang trại, có diện tích từ 400 - 500ha.

4. Đào tạo cán bộ, kỹ thuật viên, nâng cao trình độ quản lý, triển khai các tiến bộ kỹ thuật cho xã, huyện. Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật nâng cao trình độ hiểu biết và áp dụng khoa học kỹ thuật cho bà con nông dân.

- Đào tạo kỹ thuật cho xã được 20 người. Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho 1500 lượt nông dân.

- Xuất bản 1.500 cuốn sách hướng dẫn kỹ thuật nuôi, trồng các loại cây, con để phát cho bà con nông dân và cán bộ khuyến nông xã.

III. TỔ CHỨC, THỰC HIỆN DỰ ÁN.

Ngay sau khi có quyết định của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường cho phép triển khai dự án, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Vĩnh Phúc đã thảo luận, thống nhất các nội dung, tiến độ, kinh phí... và ký kết hợp đồng với Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam để triển khai xây dựng các mô hình.

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam đã bàn bạc và thống nhất với Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Vĩnh Phúc, với Lãnh đạo UBND huyện Lập Thạch và UBND xã Hợp Lý về các biện pháp tổ chức, thực hiện dự án.

- Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam đã thành lập ban điều hành dự án, với số lượng 8 người, bao gồm các thành viên là lãnh đạo Viện, đại diện phòng quản lý và một số trưởng đơn vị tham gia triển khai các nội dung của dự án. Ban điều hành có trách nhiệm tổ chức, xây dựng

kế hoạch triển khai, theo dõi, đánh giá... nội dung và tất cả các vấn đề khác có liên quan đến dự án.

- Huy động đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, các chuyên gia có kinh nghiệm của các cơ quan khoa học Trung ương, tỉnh và huyện trực tiếp tham gia triển khai dự án, trên cơ sở thống nhất về cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ làm việc tại địa phương.
- Trước khi xây dựng các mô hình, ban điều hành dự án làm việc cụ thể và chi tiết với Đảng uỷ, lãnh đạo và ban tiếp nhận dự án xã Hợp Lý để chọn điểm, chọn hộ nông dân tham gia mô hình, thống nhất quyền lợi và trách nhiệm cho các hộ. Cụ thể hoá với lãnh đạo xã và hộ nông dân tham gia dự án các nội dung, cách thức triển khai, quản lý và điều hành dự án.
- Các loại vật tư kỹ thuật đầu tư thông qua ban tiếp nhận dự án xã và sau đó phát trực tiếp đến hộ nông dân.
- Ban điều hành dự án huy động đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm triển khai các dự án nông thôn miền núi tham gia đào tạo, chỉ đạo sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ cơ sở và nông dân để có thể tiếp cận được các tiến bộ kỹ thuật mới và có thể mở rộng nhanh các mô hình trong sản xuất.
- Sau khi kết thúc mỗi mô hình, ban điều hành dự án tổ chức các cuộc họp để đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm triển khai các mô hình tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn.
- Tổ chức các hội nghị tập huấn, thăm quan đầu bờ cho nông dân nhằm nhân nhanh các mô hình có hiệu quả cao ra sản xuất.
- Tiến hành sơ kết, tổng kết dự án và thường xuyên báo cáo tiến độ và kết quả triển khai dự án cho các cấp có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH 3 *"Đưa giống cây, con có năng suất cao, ổn định nhằm góp phần xóa đói, giảm nghèo các hộ trong xã, nâng cao mức sống và trình độ dân trí trong nhân dân- triển khai tại xã Hợp Lý".*

Phần 1. Tổng kết

1. Về lúa gạo

1.1. Quy mô:

- Một số giống lúa xuân mới được thực hiện tại một số thôn, khu của xã Hợp Lý. Tổng diện tích mô hình trong 2 năm là 2ha.

1.2. Giải pháp kỹ thuật

Để đảm bảo thành công và đạt hiệu quả cao cho mô hình Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam đã nghiên cứu, chọn các giải pháp kỹ thuật phù hợp để áp dụng và triển khai. Cụ thể các giải pháp đó là:

- Nghiên cứu tuyển chọn bộ giống lúa thích hợp có năng suất cao, phù hợp với cơ cấu thời vụ, điều kiện tự nhiên và khả năng đầu tư thâm canh của nông dân.
- Các giống lúa đầu tư cho địa phương đều đảm bảo phẩm cấp giống nguyên chủng và cấp 1. Giống đảm bảo chắc chắn về năng suất trong điều kiện áp dụng đúng các quy trình kỹ thuật hướng dẫn. Các giống lúa thuần có thể dùng làm giống, mở rộng diện tích cho các vụ sau.
- Trước khi cung cấp giống cho nông dân, cán bộ chuyên môn trực tiếp chỉ đạo xây dựng mô hình đều kiểm tra kỹ lưỡng về tỷ lệ nảy mầm, tỷ lệ lẫn của giống.
- Tập huấn đầy đủ và phát tài liệu quy trình kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật cơ sở và các hộ tham gia mô hình.
- Chỉ đạo gieo cấy đúng quy trình kỹ thuật.
- Xây dựng quy trình bón phân cân đối và hợp lý cho từng loại giống, cụ thể:

+ Đối với các giống lúa thuần (D42, S15)

10 tấn phân chuồng + 100 kgN + 75kg P_2O_5 + 60kg K_2O cho 1ha

- Cử cán bộ chuyên môn của Viện, cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp sản xuất thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của cây lúa, phát hiện sâu bệnh hại và có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

1.3. Kết quả đạt được

Các giống lúa trong mô hình của dự án đều cho năng suất hơn các giống đang sản xuất đại trà ở địa phương.

- Vụ xuân năm 1999: giống lúa D42 và S15 đều cho năng suất 170 - 180kg/sào, tương đương 4,7 tấn - 5 tấn/ha.

1.4. Đánh giá chung về giống lúa xuân.

- Vụ xuân năm 1999, dự án đã đưa 2 giống lúa mới D42 và S15, với các ưu điểm: thời gian sinh trưởng ngắn, kháng sâu bệnh khá, dễ chăm sóc, thuận lợi cho việc bố trí thời vụ của địa phương để xây dựng mô hình. Hai giống này đều cho năng suất tương đương giống Kháng dân 18 đang sản xuất đại trà ở địa phương, tuy nhiên chất lượng gạo của 2 giống không được bà con nông dân ưa chuộng, vì vậy hai giống này đã không được mở rộng ở các vụ tiếp theo.

2. Về lúa mùa

2.1. Quy mô:

Các giống lúa mùa được thực hiện tại một số thôn, khu của xã Hợp Lý. Tổng diện tích là 58,5 ha, trong đó:

- Vụ mùa năm 1999:
- Giống lúa DH85 (2,0ha); giống 98-30 (2,0ha); giống 98-55 (1,0ha); giống lúa chất lượng cao DT122 (0,5ha).

- Vụ mùa năm 2000:

- Diện tích các mô hình là 53ha, các giống được đưa vào cơ cấu mùa chính vụ trên đất 2 lúa - 1 ngô đông, trong đó: giống lúa Khang Dân 18 (15,0ha), giống lúa Q5 (5,0ha) và giống lúa lai hai dòng Trung Quốc Bồi tập Sơn Thanh (33,0ha).

2.2. Giải pháp kỹ thuật

Các giải pháp kỹ thuật được áp dụng tương tự như xây dựng mô hình lúa xuân đã trình bày ở trên. Chỉ khác quy trình bón phân

+ Đối với giống lúa thuần (DH85; DT122; 98-30; 98-10)

9 tấn phân chuồng + 90 kgN + 60kg P_2O_5 + 45kg K_2O cho 1ha

+ Đối với các giống lúa thuần (98-55, Khang Dân 18, Q5)

10 tấn phân chuồng + 100 kgN + 70kg P_2O_5 + 55kg K_2O cho 1ha

+ Các giống lúa lai Trung Quốc:

12 tấn phân chuồng + 120kg N + 100kg P_2O_5 + 80kg K_2O cho 1ha

2.3. Kết quả đạt được

Vụ mùa năm 1999:

Giống lúa DH85 cho năng suất bình quân 4,5 - 5,0 tấn/ha

- Các giống 98-30, 98-55: cho năng suất thấp, bình quân 2,0 tấn/ha.

- Giống lúa DT 122 không thu hoạch (do chuột phá).

Vụ mùa năm 2000:

Giống lúa Khang dân 18 cho năng suất bình quân 5,0 - 5,2 tấn/ha

- Giống lúa Q5 cho năng suất bình quân 5,0 - 5,4 tấn/ha

- Giống lúa lai hai dòng Trung Quốc Bồi tập Sơn Thanh cho năng suất bình quân 5,0 - 5,4 tấn/ha

2.4. Đánh giá chung về cây lúa.

2.4.1. Về quy mô: Kế hoạch 40 ha, thực hiện 58,5 ha, vượt 46,2% so với kế hoạch.

2.4.2. Về tính thích ứng các giống lúa: Vụ mùa năm 1999, dự án đã đưa các giống lúa mới: DH85; 98-30; 98-10; 98-55 và DT 122 với các ưu điểm: thời gian sinh trưởng ngắn và trung bình, phù hợp cơ cấu mùa chính vụ, năng suất cao, chất lượng tốt để xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu giống và thâm canh tăng năng suất lúa.

Qua thực tế, mô hình giống lúa DH85 đạt hiệu quả cao, DH85 là giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn (100 - 105 ngày trong vụ mùa sớm), dễ chăm sóc, ít sâu bệnh, năng suất bình quân đạt 4,5 - 5,0 tấn/ha, được bà con nông dân chấp nhận và duy trì trong các vụ tiếp theo.

Giống lúa chất lượng cao DT122 có ưu điểm là cơm ngon, hạt gạo dài, thơm, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, thời gian sinh trưởng rất ngắn (90 ngày trong vụ mùa sớm) - rất thuận lợi cho việc bố trí cây vụ đông. Tuy nhiên do diện tích mô hình nhỏ, không tập trung, lúa chín sớm hơn các giống đại trà 10 - 15 ngày vì vậy toàn bộ diện tích mô hình ở hai xã bị chuột phá hoại,

không cho thu hoạch.

Các giống lúa 98-30; 98-10; 98-55 đều là những giống có năng suất cao, chất lượng khá, chống chịu sâu bệnh. Thực tế trong vụ mùa năm 1999, giai đoạn đầu các giống này sinh trưởng, phát triển rất tốt, nhưng do lượng giống chuyển giao cho các xã bị muộn so với thời vụ, các giống này có thời gian sinh trưởng từ 120 - 130 ngày, dài hơn so với các giống sản xuất đại trà của địa phương 10 - 15 ngày, vì vậy cuối vụ diện tích các giống này bị sâu đục thân phá hoại rất mạnh, cán bộ chuyên môn của dự án đã chỉ đạo bà con nông dân phun thuốc phòng trừ nhưng hiệu quả phun thuốc rất thấp. Mô hình không đạt yêu cầu đề ra, các giống chỉ cho năng suất 2,0 - 2,5 tấn/ha. Một số hộ gia đình thực hiện triệt để việc phun thuốc, các giống 98-55; 98-30 vẫn cho năng suất 5,0 - 5,5 tấn/ha và được các hộ này duy trì trong các vụ tiếp theo. Các giống 98-55; 98-30; 98-10 nếu được triển khai đúng thời vụ, đúng quy trình kỹ thuật, diện tích lớn và tập trung chắc chắn mô hình cho hiệu quả cao, năng suất bình quân có thể đạt 5,5 - 6,0 tấn/ha.

Vụ mùa năm 2000, dự án tập trung xây dựng mô hình thâm canh lúa mùa chính vụ tại xã Hợp Lý, với các giống lúa: Khang dân 18 (15,0ha), giống lúa Q5 (5,0ha) và giống lúa lai TQ Bồi tập Sơn Thanh (33ha). Dự án tập trung vào việc tập huấn quy trình kỹ thuật thâm canh cho bà con nông dân tham gia mô hình. Cơ cấu các giống lúa này khá phù hợp với cơ cấu sản xuất huyện Lập Thạch đã hướng dẫn và chỉ đạo vì vậy diện tích mô hình tại xã Hợp Lý rất tập trung, mô hình đạt hiệu quả cao. Giống lúa Khang dân 18 cho năng suất bình quân 4,8 - 5,0 tấn/ha, giống lúa Q5 cho năng suất bình quân 5,0 - 5,4 tấn/ha; giống lúa lai hai dòng Trung Quốc Bồi tập Sơn Thanh cho năng suất bình quân 5,0 - 5,4 tấn/ha. Nếu bà con nông dân tham gia mô hình đầu tư đầy đủ phân bón theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn thì hiệu quả thu được sẽ cao hơn.

2.4.3. Về năng suất: Qua thực tế, các giống DH85, giống lúa lai Trung Quốc đạt năng suất khá, vượt so với giống địa phương trung bình 12 tạ, đạt dự kiến đề ra, một số giống khác không đạt yêu cầu về năng suất.

3. Về lạc xuân và quy trình công nghệ che phủ nilon cho lạc xuân.

3.1. Quy mô:

Cây lạc được thực hiện tại một số thôn, khu của xã Hợp Lý. Tổng diện tích là 10 ha giống lạc LVT có che phủ nilon.

3.2. Giải pháp kỹ thuật

- Nghiên cứu tuyển chọn các giống lạc mới có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với cơ cấu thời vụ, điều kiện tự nhiên và khả năng đầu tư thâm canh của nông dân.
- Các giống lạc đầu tư cho địa phương đều đảm bảo tiêu chuẩn giống. Giống đảm bảo năng suất cao trong điều kiện áp dụng đúng các quy trình kỹ thuật hướng dẫn.

- Trước khi cung cấp giống cho nông dân, cán bộ chuyên môn trực tiếp chỉ đạo xây dựng mô hình đều kiểm tra kỹ lưỡng về tỷ lệ nảy mầm, tỷ lệ lẫn của giống.
- Lựa chọn các giải pháp kỹ thuật và quy trình công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp với điều kiện đầu tư của địa phương để áp dụng xây dựng mô hình.
- Tập huấn đầy đủ và phát tài liệu quy trình kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật cơ sở và các hộ tham gia mô hình.
- Chỉ đạo gieo trồng đúng quy trình kỹ thuật.
- Xây dựng quy trình bón phân cân đối và hợp lý cho các loại giống, cụ thể:

10 tấn phân chuồng + 20kg N + 110kg P_2O_5 + 70kg K_2O và 550kg vôi bột cho 1ha (áp dụng cho tất cả các giống lạc triển khai)

- Cử cán bộ chuyên môn của Viện, cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp sản xuất thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của cây lạc, phát hiện sâu bệnh hại và có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

3.3. Kết quả đạt được

Các giống lạc trong mô hình của dự án đều cho năng suất cao hơn 50 - 100% so các giống lạc địa phương, mô hình đạt hiệu quả cao. Kết quả được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Diện tích và năng suất các giống lạc trong vụ xuân 2000

Tên giống	Vụ xuân 2000	
	Diện tích (ha)	Năng suất bình quân (tạ/ha)
LVT	10,0	25,0 - 28,0
Các giống lạc cũ của địa phương	-	11,0 - 14,0

3.4. Đánh giá chung mô hình.

3.4.1. Về quy mô: Theo kế hoạch 15 ha, thực hiện 10 ha, bằng 66% kế hoạch của dự án.

3.4.2. Về năng suất và khả năng mở rộng: Trong vụ xuân năm 2000, dự án đã chuyển giao giống lạc mới LVT và quy trình công nghệ che phủ nilon lạc xuân cho xã Hợp Lý. Giống lạc mới đã góp phần chuyển đổi cơ cấu giống lạc, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế cho các hộ nông dân tham gia mô hình. Dự án đã mở 3 lớp tập huấn chuyển giao quy trình công nghệ che phủ nilon cho lạc xuân cho bà con nông dân tham gia, đây là một biện pháp kỹ thuật tiên tiến, với các ưu điểm: giữ ẩm và độ ẩm cho lạc khi gieo vào vụ xuân (thường gặp hạn và rét), thúc đẩy nhanh quá trình nảy mầm và đảm bảo tỷ lệ mọc của cây, tạo điều kiện thuận lợi cho cây sinh trưởng và tạo củ, góp phần tăng năng suất lạc từ 40 - 50%. Thực tế sau 2 năm triển khai dự án, các giống lạc mới đã thay thế 90% diện tích trồng lạc của xã các giống này cũng đã được phát triển ở nhiều xã khác ở trong huyện, tỉnh. Giống lạc

mới, với quy trình kỹ thuật che phủ nilon lần đầu tiên được triển khai ở xã Hợp Lý đã che phủ nilon đầy đủ cho 10,0ha giống lạc LVT và hiệu quả mô hình thu được là rất cao, năng suất lạc bình quân đạt 90 - 100kg lạc củ tươi/sào, tương đương 25,0 - 28tấn/ha, tăng 100% so với các giống lạc địa phương đang trồng không có che phủ nilon. Tháng 5 năm 2000, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Vĩnh Phúc đã phối hợp với Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam tổ chức hội nghị đầu bờ với sự tham dự của Bộ NN&PTNT, Bộ KH&CN&MT, và một số cơ quan, ban ngành có liên quan của tỉnh Vĩnh Phúc và một số tỉnh bạn để thăm quan đánh giá mô hình này.

4. Về cây đậu xanh và cây đậu tương

4.1. Quy mô:

Mô hình được thực hiện tại một số khu của xã Hợp Lý. Tổng diện tích mô hình là 10,2ha, trong đó:

- Vụ xuân năm 1999: Diện tích mô hình là 0,2ha giống đậu xanh DX45
- Vụ hè thu năm 1999: Diện tích mô hình là 10,0ha giống đậu tương AK06

4.2. Giải pháp kỹ thuật

Các bước của giải pháp kỹ thuật được áp dụng giống như đối với các cây trồng khác (lúa, lạc), chỉ khác phần quy trình bón phân, cụ thể:

+ Đối với giống đậu xanh DX45

8 tấn phân chuồng + 60kg N + 80kg P_2O_5 + 40kg K_2O và 550kg vôi bột

+ Đối với giống đậu tương AK06

8 tấn phân chuồng + 40kg N + 60kg P_2O_5 + 30kg K_2O và 550kg vôi bột

(Các mức bón trên tính cho 1ha)

4.3. Kết quả đạt được

Các giống đậu xanh DX45 và đậu tương AK06 trong mô hình của dự án đều phù hợp với điều kiện sinh thái, cơ cấu mùa vụ của địa phương và cho năng suất khá. Giống DX45 mã hạt đẹp, dễ chăm sóc, đạt năng suất 70kg/sào, giống đậu tương AK06 với ưu điểm thời gian sinh trưởng ngắn, có thể trồng được 3 vụ trong năm, năng suất đạt 60 - 70kg/sào, tương đương 17 - 19tạ/ha, tăng từ 4 - 5,4 tạ/ha so với giống cũ của địa phương. Cả hai giống trên đã bổ xung tốt cho cơ cấu giống và mùa vụ đậu đỗ của địa phương, góp phần tăng sản lượng và đa dạng hoá sản phẩm.

5. Về cây ngô đông.

5.1. Quy mô của mô hình:

Cây ngô được thực hiện tại một số khu của xã Hợp Lý trong vụ đông năm 2000. Tổng diện tích mô hình là 34,0ha, trong đó:

+ Giống ngô lai P11: 27,0ha

+ Giống ngô lai P60: 7,0ha

5.2. Giải pháp kỹ thuật

- Các bước của giải pháp kỹ thuật được áp dụng giống như đối với các cây trồng khác (lúa, lạc), chỉ khác phần quy trình bón phân, cụ thể mức bón cho hai giống như sau:

8 tấn phân chuồng + 160kg N + 100kg P_2O_5 + 70kg K_2O cho 1ha
- Các giống ngô này đã được trồng tại địa phương trong 1 vài năm gần đây vì vậy dự án tập trung vào việc lựa chọn nguồn giống tốt, đảm bảo tiêu chuẩn và tập huấn đầy đủ, chi tiết quy trình thâm canh cho các hộ tham gia mô hình.

5.3. Kết quả đạt được

Hai giống ngô P60 và P11 trong mô hình của dự án đều phù hợp với điều kiện sinh thái, thời vụ của địa phương. Hai giống ngô có thời gian sinh trưởng trong vụ đông từ 110 - 120 ngày, thích hợp với vụ đông sớm và đông chính vụ, cây cứng, chống đổ tốt, chịu hạn và chịu rét khá, kháng sâu bệnh (đốm lá lớn, khô vằn) trung bình.

Giống ngô P60 đạt năng suất bình quân 50.0 - 55.0 tạ/ha.

Giống ngô P11 đạt năng suất bình quân 45.0 - 50.0 tạ/ha, tăng 8 -10 tạ/ha so với giống địa phương.

Cả hai giống trên đã bổ xung tốt cho cơ cấu giống và thời vụ trồng ngô của địa phương, phù hợp với sự hướng dẫn và chỉ đạo của huyện Lập Thạch và tỉnh Vĩnh Phúc

Phần 2. Chăn nuôi

1. Chăn nuôi lợn

1.1. Quy mô.

- Mô hình được thực hiện tại 42 hộ gia đình, thuộc các thôn của xã Hợp Lý, quy mô 1 con/ 1 hộ gia đình. Số lượng các loại giống được thể hiện ở bảng 2.

2.2. Giải pháp kỹ thuật

Mô hình chăn nuôi lợn nhằm mục tiêu cải tạo chất lượng đàn giống hiện có của địa phương, nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho các hộ nông dân. Chính vì vậy giải pháp kỹ thuật cho việc xây dựng mô hình đó là:

- Lựa chọn cẩn thận, kỹ càng các loại con giống từ các cơ quan khoa học và công ty sản xuất giống có uy tín của TƯ và địa phương.
- Tiêm phòng đầy đủ cho toàn bộ con giống trước khi chuyển cho các hộ gia đình.
- Tập huấn đầy đủ quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng trừ bệnh, thụ thai cho lợn nái, cách nuôi lợn con..vv. và cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình và các hộ có yêu cầu học tập.
- Cán bộ chuyên môn của cơ quan khoa học cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp xây dựng mô hình thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát dục của lợn để có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

2.3. Kết quả đạt được.

- Toàn bộ giống lợn nái Móng Cái thuần chủng do dự án đầu tư đều khoẻ mạnh, lợn sinh trưởng tốt, tỷ lệ sống đạt 98% (chỉ có 1 con chết khi 45kg do thận bị nhiễm mỡ. Lợn nái Móng Cái sau 6 - 7 tháng tuổi (trọng lượng đạt

40-45kg đã có biểu hiện động dục, các hộ gia đình đã cho thụ tinh và lợn mẹ đẻ khá tốt *12 - 14con/1lứa, đàn con khoẻ mạnh, đáng vóc đẹp, được các hộ gia đình đánh giá cao. Các con nái được đầu tư từ tháng 11 năm 1999 đã bắt đầu đẻ lứa thứ hai.

- Hai lợn đực giống Landrace sinh trưởng tốt, khoẻ mạnh, đáng vóc đẹp, chất lượng tinh rất tốt được nhiều hộ gia đình trong 2 xã tín nhiệm và đề nghị được lấy giống.

Bảng 2 : Số lượng các loại giống lợn và số hộ tham gia mô hình

Loại giống	Xã Hợp Lý		
	Số lượng (con)	Tháng cấp	Số hộ tham gia
Lợn đực giống Landrace	2	T11/1999	2
Lợn nái Móng Cái thuần chủng	40	T4/2000	40
Tổng cộng	42	-	42

2. Chăn nuôi vịt siêu trứng CV2000

1.2. Quy mô.

- Được thực hiện tại 115 hộ gia đình, thuộc các thôn của xã Hợp Lý, quy mô 10 - 20 con/ 1 hộ gia đình. Số lượng giống đầu tư cho các xã được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3 : Số lượng giống vịt CV2000 và số hộ tham gia mô hình

Loại giống	Xã Hợp Lý		
	Số lượng (con)	Tháng cấp	Số hộ tham gia
Vịt siêu trứng CV 2000	-	-	-
Vịt siêu trứng CV 2000	300	T4/2000	15
Vịt siêu trứng CV 2000	1000	T11/2000	100
Tổng cộng	1300	-	115

2.2. Giải pháp kỹ thuật

- Lựa chọn cẩn thận, kỹ càng loại giống để xây dựng mô hình, con giống được mua từ các cơ quan khoa học và công ty sản xuất giống có uy tín của TƯ và địa phương.
- Tập huấn đầy đủ quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng trừ bệnh...vv. và phát đầy đủ tài liệu hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình và các hộ có yêu cầu học tập.
- Toàn bộ vịt được nuôi đến 2 tuần tuổi, được tiêm phòng đầy đủ trước khi chuyển cho bà con nông dân. Tỷ lệ ghép đàn 1đực/10 cái.

- Hỗ trợ một phần thức ăn đậm đặc để các hộ nuôi trong một số ngày đầu khi chuyển giống cho các hộ gia đình để tránh sốc cho vịt con khi thay đổi môi trường sống đột ngột.
- Cán bộ chuyên môn của cơ quan khoa học cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp xây dựng mô hình thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của đàn vịt để có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

2.3. Kết quả đạt được.

2.3.1. *Về quy mô:* Kế hoạch dự án không có nhưng do yêu cầu của dân, nên Ban điều hành nhất trí đưa vịt CV2000 vào xã Hợp Lý với quy mô 1.300 con.

2.3.2. *Về năng suất:* Giống vịt siêu trứng CV2000 là giống vịt được nhập từ nước Anh, có khả năng đẻ trứng cao (275-285 quả/1 năm); trứng to (trung bình 70-75 gam/quả, tỷ lệ ấp nở cao (81-83% số trứng ấp; tỷ lệ nuôi sống cao 93-95% số con nở. Thực tế mô hình chăn nuôi vịt siêu trứng CV2000 cho hiệu quả cao và nhanh chóng được mở rộng trong sản xuất.

- Số lượng vịt CV2000 dự án đầu tư có tỷ lệ sống cao (90%). Vịt sau khi nuôi 4,5-5,0 tháng đã bắt đầu đẻ, các hộ gia đình chăm sóc và nuôi dưỡng đầy đủ theo quy trình kỹ thuật hướng dẫn khả năng đẻ của vịt rất tốt, trứng to, mẫu mã đẹp, có giá trị cao (thời gian tháng 4, tháng 5/2000, 1 quả trứng vịt CV bán được 1500đ, trong đó trứng vịt khác chỉ bán được 1000đ/quả.

2.3.3. *Khả năng mở rộng dự án:* Từ hiệu quả từ mô hình chăn nuôi vịt CV2000 tại xã Bình Dương, dự án đã đầu tư 1300 vịt giống cho xã Hợp Lý (300con vào tháng 4/2000 và 1000con vào tháng 11/2000 để nhân rộng mô hình. Đến nay mô hình đã bắt đầu có hiệu quả và được bà con nông dân hưởng ứng mạnh mẽ.

- Trên kinh nghiệm thực tế triển khai tại Bình Dương tháng 1/2001 dự án đã đầu tư 1 tủ ấp nở trứng gia cầm, với công suất ấp trứng 4000 quả, công suất nở 450-800quả cho xã Hợp Lý quản lý và gửi 01 người đi đào tạo tại Trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên để phục vụ công tác nhân giống và bán giống tại địa phương xã Hợp Lý.

3. Nuôi bò đực lai Sind

3.1. Quy mô:

Nuôi ở 3 hộ gia đình của xã Hợp Lý, mỗi hộ 1 con.

3.2. Giải pháp kỹ thuật

- Lựa chọn cẩn thận, kỹ càng giống bò đực lai Sind để xây dựng mô hình, con giống được mua từ các cơ quan khoa học và công ty giống có uy tín của TƯ và địa phương.
- Tập huấn đầy đủ quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng trừ bệnh, vv. và phát đầy đủ tài liệu hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình.

- Hỗ trợ một phần thức ăn đậm đặc để các hộ nuôi trong một số ngày đầu khi chuyển giống cho các hộ gia đình để tránh sốc cho vịt con khi thay đổi môi trường sống đột ngột.
- Cán bộ chuyên môn của cơ quan khoa học cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp xây dựng mô hình thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của đàn vịt để có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

2.3. Kết quả đạt được.

2.3.1. Về quy mô: Kế hoạch dự án không có nhưng do yêu cầu của dân, nên Ban điều hành nhất trí đưa vịt CV2000 vào xã Hợp Lý với quy mô 1.300 con.

2.3.2. Về năng suất: Giống vịt siêu trứng CV2000 là giống vịt được nhập từ nước Anh, có khả năng đẻ trứng cao (275-285 quả/1 năm); trứng to (trung bình 70-75 gam/quả, tỷ lệ ấp nở cao (81-83% số trứng ấp; tỷ lệ nuôi sống cao 93-95% số con nở. Thực tế mô hình chăn nuôi vịt siêu trứng CV2000 cho hiệu quả cao và nhanh chóng được mở rộng trong sản xuất.

- Số lượng vịt CV2000 dự án đầu tư có tỷ lệ sống cao (90%). Vịt sau khi nuôi 4,5-5,0 tháng đã bắt đầu đẻ, các hộ gia đình chăm sóc và nuôi dưỡng đầy đủ theo quy trình kỹ thuật hướng dẫn khả năng đẻ của vịt rất tốt, trứng to, mẫu mã đẹp, có giá trị cao (thời gian tháng 4, tháng 5/2000, 1 quả trứng vịt CV bán được 1500đ, trong đó trứng vịt khác chỉ bán được 1000đ/quả.

2.3.3. Khả năng mở rộng dự án: Từ hiệu quả từ mô hình chăn nuôi vịt CV2000 tại xã Bình Dương, dự án đã đầu tư 1300 vịt giống cho xã Hợp Lý (300con vào tháng 4/2000 và 1000con vào tháng 11/2000 để nhân rộng mô hình. Đến nay mô hình đã bắt đầu có hiệu quả và được bà con nông dân hưởng ứng mạnh mẽ.

- Trên kinh nghiệm thực tế triển khai tại Bình Dương tháng 1/2001 dự án đã đầu tư 1 tủ ấp nở trứng gia cầm, với công suất ấp trứng 4000 quả, công suất nở 450-800quả cho xã Hợp Lý quản lý và gửi 01 người đi đào tạo tại Trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên để phục vụ công tác nhân giống và bán giống tại địa phương xã Hợp Lý.

3. Nuôi bò đực lai Sind

3.1. Quy mô:

Nuôi ở 3 hộ gia đình của xã Hợp Lý, mỗi hộ 1 con.

3.2. Giải pháp kỹ thuật

- Lựa chọn cẩn thận, kỹ càng giống bò đực lai Sind để xây dựng mô hình, con giống được mua từ các cơ quan khoa học và công ty giống có uy tín của TƯ và địa phương.
- Tập huấn đầy đủ quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng trừ bệnh, vv. và phát đầy đủ tài liệu hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình.

- Cán bộ chuyên môn của cơ quan khoa học TƯ cùng với kỹ thuật viên cơ sở thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của bò để có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

3.2. Kết quả đạt được.

Về quy mô: Kế hoạch triển khai 12 con, nhưng sau này tính toán thấy rằng ở xã chỉ cần 3 con đực giống là đủ, vì vậy Ban điều hành chuyển kinh phí sang chăn nuôi vịt CV2000.

- Toàn bộ 3 bò đực giống lai Sind khoẻ mạnh, vóc dáng đẹp, khả năng cho tinh tốt. Hiện nay các hộ gia đình tham gia mô hình đã bắt đầu cho phối giống với bò cái của địa phương và dần từng bước cải tiến chất lượng đàn bò của xã.

Đánh giá chung về chăn nuôi.

- Việc đưa một số giống lợn, vịt, bò vào dự án đã thực sự phù hợp với nguyện vọng và yêu cầu của đông đảo bà con nông dân, vì vậy các mô hình được triển khai đạt hiệu quả cao.
- Mô hình chăn nuôi lợn đực giống Landrace và lợn nái Móng Cái thuần đã và đang phát huy hiệu quả, góp phần cải tiến chất lượng đàn giống của địa phương (hiện nay đa số các con nái của địa phương đã già và thoái hoá, số lượng đực giống tốt ít).
- Mô hình chăn nuôi vịt CV2000 khá phù hợp với điều kiện chăn thả (không yêu cầu nhiều ao, hồ như các giống vịt khác, và mang lại hiệu quả cao cho các hộ chăn nuôi, mô hình được nhân rộng nhanh. Tuy nhiên giống vịt CV2000 thời gian từ nuôi đến khi bắt đầu cho trứng dài hơn so với giống vịt Trung Quốc đang nuôi ở rất nhiều nơi, vì vậy nếu chỉ nuôi đơn thuần để lấy trứng ăn thì hiệu quả không cao. Nếu các xã tổ chức tốt việc ấp nở giống để bán và giải quyết tốt đầu ra thì hiệu quả thu được sẽ cao hơn.
- Xã Hợp Lý có diện tích chăn thả lớn, thuận lợi cho việc phát triển đàn bò, số lượng bò cái nhiều, bò giống chất lượng tốt rất hạn chế vì vậy mô hình chăn nuôi bò đực giống lai Sind rất phù hợp, mô hình bước đầu đã phát huy hiệu quả.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ MÔ HÌNH 3:

Mục tiêu của mô hình 3 là đưa một số giống cây và giống con để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong xã nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao, nâng cao mức sống của nhân dân.

Kết quả thực hiện đưa một số giống lúa mới, giống lạc và con lợn, con vịt vào xã Hợp Lý đã khẳng định:

- Mặc dù về quy mô triển khai cây lạc chưa đạt kế hoạch đề ra, nhưng về mục tiêu chọn giống và đưa cơ cấu cây lạc vào vụ đông xuân đã khẳng định chọn được giống lạc LVT và kỹ thuật che phủ nilon cho năng suất rất cao so với giống lạc của địa phương, được bà con ưa chuộng và thay thế 100% diện tích bằng giống lạc mới. Giống lúa mới DH85 có năng suất cao, phù hợp với địa bàn của xã, được bà con ưa chuộng.

- Về chăn nuôi: Nhìn chung đảm bảo kế hoạch đẻ ra, chất lượng giống lợn và vịt đảm bảo, thay thế các giống lợn cũ và giống vịt của địa phương. Hiện đang nhân rộng trong xã các giống này.

Về công tác đào tạo, chuyển giao kỹ thuật đã thực hiện đạt yêu cầu đẻ ra, đào tạo được 20 kỹ thuật viên, tập huấn cho 1.500 nông dân, 100% hộ tham gia dự án được tập huấn kỹ, triển khai đúng quy trình kỹ thuật đẻ ra.

Kết luận:

Đánh giá chung toàn diện về mục tiêu mô hình 3 đã đạt yêu cầu dự án đẻ ra, đó là chọn được một số giống cây lúa, cây lạc, giống lợn, giống vịt có năng suất cao, có thể thay thế giống cũ, tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu, tăng diện tích trồng lạc xuân, tăng nhanh diện tích các giống lúa mới có năng suất cao, cải tạo đàn lợn, đàn bò và đàn gia súc trong cơ cấu chăn nuôi nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao. Mô hình được tập huấn và chuyển giao kỹ thuật để người dân có thể tự làm sau này. Từ mô hình này người dân trong xã tiếp tục ứng dụng để mở rộng kết quả của dự án.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH 4" Mô hình trang trại, trồng cây ăn quả xen kẽ cây bản địa nhằm tăng thu nhập, phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường sinh thái rừng".

1. Quy mô của mô hình:

Triển khai 10 ha, thực hiện trồng được 2.810 cây ăn quả các loại, được trồng ở vườn và trang trại của 240 hộ gia đình, trong đó:

- Mô hình trồng Đu đủ Đài Loan được thực hiện tại một số vườn của các hộ gia đình xã Hợp Lý, với quy mô 10 - 15 cây/hộ
- Mô hình trồng cây ăn quả có giá trị cao (nhãn, vải, xoài..vv) được thực hiện tại các trang trại đang đầu tư xây dựng của các hộ gia đình tại xã Hợp Lý.

Bảng 4: Số lượng cây giống ăn quả và số hộ gia đình tham gia mô hình

Loại giống	Xã Bình Dương			Xã Hợp Lý		
	Số lượng (cây)	Tháng cấp	Số hộ tham gia	Số lượng (cây)	Tháng cấp	Số hộ tham gia
Đu đủ Đài Loan	500	T5/1999	45	710	T5/1999	60
Nhãn lồng ghép	-	-	-	300	T11/199	30
	-	-	-	700	9 T2/2000	70
Vải thiều ghép	-	-	-	100	T11/199	10
	-	-	-	300	9 T2/2000	25
Xoài ghép GL1	-	-	-	100	T2/2000	*
Chanh không hạt	-	-	-	100	T2/2000	*
Tổng cộng	500	-	45	2310	-	195

*: Các hộ trồng xoài và trồng chanh là những hộ tham gia trồng nhãn hoặc vải ở trên.

2. Giải pháp kỹ thuật.

- Nghiên cứu lựa chọn các loại cây ăn quả phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện đầu tư của hộ gia đình để xây dựng mô hình, cây giống được mua từ các cơ quan khoa học và các trang trại sản xuất cây giống có uy tín của TƯ và địa phương.
- Toàn bộ cây giống đảm bảo thời gian xuất và được trồng trong bầu đất để đảm bảo tỷ lệ sống sau trồng của cây > 95%
- Tập huấn đầy đủ quy trình kỹ thuật (kỹ thuật đào hố trồng, bón phân, phòng trừ sâu bệnh..vv) và phát đầy đủ tài liệu hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình.
- Chuyên gia cây ăn quả của cơ quan khoa học TƯ cùng với kỹ thuật viên cơ sở thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của các loại cây ăn quả để có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

3. Kết quả đạt được

3.1. Về quy mô: Kế hoạch 10 ha, thực hiện 10 ha, đạt yêu cầu đề ra.

3.2. Về tính thích ứng của các giống cây: Tháng 5 năm 1999, dự án đã cung cấp 710 cây giống đu đủ Đài Loan cho 2 xã Bình Dương và Hợp Lý để xây dựng mô hình, đây là một giống đu đủ lai, cho năng suất cao (70kg quả/ cây) và đặc biệt quả có hàm lượng đường cao (14%). Việc xây dựng mô hình trồng giống cây đu đủ này nhằm mục đích làm phong phú các loại cây ăn quả trong các trang trại cũng như vườn gia đình, tăng thêm nguồn thu và cải thiện chế độ dinh dưỡng cho các hộ nông dân.

Cây đu đủ Đài Loan sinh trưởng, phát triển tốt (trừ một số cây bị mất hoặc chết do chuột ăn). Những hộ gia đình áp dụng đúng TBKT, có sự đầu tư chăm sóc đầy đủ thực sự mang lại hiệu quả kinh tế cao, chỉ sau 6 tháng trồng đã có sản phẩm thu hoạch và có thể đạt từ 30 - 40kg quả/ cây, có thể trồng tốt trong các vườn gia đình cũng như trong các trang trại. Tuy nhiên do trình độ áp dụng TBKT, sự đầu tư chăm sóc của các hộ khác nhau, vì vậy sản lượng và chất lượng quả không được đồng đều ở toàn bộ các hộ gia đình.

- Tháng 11 năm 1999, dự án đã đầu tư 300 cây nhãn lồng ghép và 200 cây vải thiều ghép để trồng trong một số trang trại tại xã Hợp Lý. Tháng 2 năm 2000, dự án đã tiếp tục đầu tư 700 cây nhãn, 300 cây vải, 100 cây chanh không hạt, 100 cây xoài ghép GL1 để tiếp tục xây dựng mô hình. Ngoài cây nhãn và vải là 2 loại cây ăn quả đã được trồng phổ biến tại địa phương, dự án cũng đã đưa giống xoài ghép GL1 - là giống có năng suất cao chất lượng tốt, thích hợp với điều kiện trồng của miền Bắc để trồng thử tại địa phương. Nếu điều kiện sinh thái phù hợp cho cây xoài GL1 phát triển sẽ mở ra hướng phát triển mới cho các vườn gia đình và các trang trại đang kiến thiết tại địa phương vì xoài là loại cây ăn trái có giá trị dinh dưỡng và giá trị hàng hoá cao.

Hiện nay toàn bộ lượng cây này đều sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ sống cây sống đạt 99%, mô hình đã bước đầu cho hiệu quả, cùng với các loại cây ăn quả khác của các trang trại đang xây dựng, cây ăn quả do dự án đầu tư

đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình kiến thiết cơ bản và làm phong phú thêm sản phẩm cho các trang trại của các hộ tham gia mô hình. Điều quan trọng hơn đó là các hộ nông dân đã nắm được quy trình kỹ thuật trồng cây, qua đó có thể tự quyết định đầu tư sản xuất theo đúng cách và đúng hướng.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NỘI DUNG HUẤN LUYỆN, TUYÊN TRUYỀN VÀ PHỔ BIẾN KỸ THUẬT.

1. *Huấn luyện cán bộ và phổ biến kỹ thuật cho nông dân.*

Đây được coi là một nội dung rất quan trọng của dự án. Bởi vì chỉ khi cán bộ và nông dân của địa phương hiểu và nắm vững kỹ thuật, biết cách ứng dụng và thực hành kỹ thuật đó một cách nhuần nhuyễn thì kỹ thuật đó mới thành công và mang lại hiệu quả cao cho sản xuất trong nhiều năm, kể cả khi dự án không còn triển khai tiếp. Kết quả cụ thể của nội dung này như sau:

- Tổ chức 13 lớp tập huấn, phát tài liệu hướng dẫn kỹ thuật theo từng thời kỳ, mùa vụ, đối tượng cây trồng, vật nuôi cho xã. Những người trực tiếp được tham gia lớp tập huấn kỹ thuật là bà con nông dân tham gia dự án, những người có nguyện vọng được học tập kinh nghiệm, bí thư, trưởng phó các thôn, cụm... với tổng cộng khoảng 1.500 lượt người nông dân và 50 lượt cán bộ kỹ thuật của các xã đã tham gia các lớp tập huấn. Tất cả nội dung tập huấn đều rõ ràng, đơn giản dễ hiểu, phù hợp với trình độ dân trí của mọi người dân địa phương. Sau khi mở các lớp tập huấn, Viện luôn cử cán bộ chuyên môn xuống chỉ đạo và nắm tình hình thực tiếp tại cơ sở, hướng dẫn cụ thể cho bà con nông dân, vì vậy các mô hình luôn đạt hiệu quả cao.
- Dự án cũng đã tổ chức một lớp đào tạo kỹ thuật viên, làm công tác khuyến nông cho xã, với 15 người tham gia. Nội dung và chương trình của lớp học mang tính chất sâu và rộng, trên nhiều đối tượng cây trồng, vật nuôi. Lớp học cũng chú trọng cả phần phương pháp chuyển giao kỹ thuật tiến bộ để xây dựng các mô hình sản xuất. Sau khi được đào tạo, đội ngũ kỹ thuật viên này đã phát huy được năng lực của mình và cùng với cán bộ chuyên môn của dự án chỉ đạo thành công nhiều mô hình.
- Dự án cũng đã gửi 01 người của xã Hợp Lý đi học tập kỹ thuật áp nổ trứng gia cầm tại Trung tâm Nghiên cứu vẹt Đại Xuyên - Hà Tây trong thời gian 2 tuần. Dự án đã đầu tư cho xã hợp Lý 01 tủ áp với công suất vào áp 4000 quả, công suất nổ 450 - 800 quả/ lượt để xã quản lý và có thể tự chủ động các nguồn giống gia súc, gia cầm cho địa phương mình và các địa phương khác khi có nhu cầu.

Giảng viên của các lớp tập huấn, đào tạo kỹ thuật trên đều là những cán bộ khoa học có kinh nghiệm truyền đạt, kinh nghiệm thực tế chỉ đạo sản xuất, đặc biệt là ở vùng trung du, miền núi.

2. *Các loại tài liệu đã được biên soạn.*

- Quy trình kỹ thuật thâm canh các loại giống lúa thuần: D42, S15; DT122, 9855, 98-30; DH85; Khang dân 18; Q5;

- Quy trình kỹ thuật thâm canh các loại giống lúa lai: Bồi tạp Sơn Thanh; II ưu 838
 - Quy trình kỹ thuật thâm canh giống lạc LO3; LVT và MD7
 - Quy trình công nghệ che phủ nilon cho lạc xuân
 - Quy trình kỹ thuật thâm canh giống ngô P11 và P60
 - Quy trình kỹ thuật thâm canh giống đậu tương AK06
 - Quy trình kỹ thuật thâm canh giống đậu xanh DX45 và T135
 - Quy trình kỹ thuật nuôi vịt siêu trứng CV2000
 - Quy trình kỹ thuật nuôi lợn nái thuần Móng Cái
 - Quy trình kỹ thuật nuôi lợn dục giống Landrace
 - Quy trình kỹ thuật nuôi lợn dục giống Yorkshire
 - Quy trình kỹ thuật nuôi bò dục giống lai Sind
 - Quy trình kỹ thuật trồng nhãn, vải, đu đủ, hồng, na, xoài, cam, chanh
 - Tài liệu hướng dẫn xây dựng hệ thống thiết bị khí sinh học (Biogas)
 - Sách giới thiệu giống cây trồng, vật nuôi
- Tất cả tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đều được in và phát trực tiếp tới tay bà con nông dân.

3. Tổ chức thăm quan đầu bờ, học tập các mô hình tiên tiến.

Trong 2 năm, dự án tổ chức 2 hội nghị thăm quan đầu bờ các mô hình được xây dựng tại xã, với sự tham gia của đông đảo bà con nông dân và đại diện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Sở NN&PTNT, Sở KH&CN&MT, UBND huyện Lập Thạch và một số phòng ban, cơ quan chức năng, cơ quan quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc và các tỉnh khác. Thông qua việc thăm quan đầu bờ, dự án cùng bà con nông dân đánh giá những thành công, cũng như còn tồn tại, rút kinh nghiệm, phát huy những thành công đã đạt được, khắc phục những điểm còn tồn tại để xây dựng các mô hình tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn và nhân rộng các mô hình đã có hiệu quả ra sản xuất.

4. Thông tin, tuyên truyền.

Dự án đã mời phóng viên Báo nông nghiệp, Báo Khoa học, đời sống, Đài truyền hình Việt Nam, báo, đài tỉnh Vĩnh Phúc tham dự các buổi hội nghị đầu bờ, hội thảo khoa học, hội nghị sơ kết dự án để giới thiệu những kết quả thành công của dự án, khuyến khích mở rộng các mô hình có hiệu quả cao cho các xã, huyện trong tỉnh Vĩnh Phúc

PHẦN III. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

1. Nhận xét chung về kết quả thực hiện các mô hình ở xã Hợp Lý.

Sau 2 năm thực hiện, được sự chỉ đạo của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, sự phối hợp thường xuyên và hiệu quả của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc, Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch, Ủy ban nhân dân xã Hợp Lý và bà con

nông dân tham gia mô hình dự án đã triển khai một cách thuận lợi và thu được nhiều kết quả.

- Nhìn chung tất cả các nội dung chính của dự án đã được hoàn thành và đạt được mục tiêu đề ra. Các mô hình về trồng trọt, chăn nuôi đã đạt nhiều kết quả khả quan. Qua các kết quả đã được chứng minh của mô hình càng khẳng định ý nghĩa và tính đúng đắn của các mục tiêu và nội dung đề ra.
- Dự án đã rất thành công trong việc xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu giống lạc và thâm canh lạc với quy trình công nghệ che phủ nilon, mô hình thâm canh ngô, lúa; mô hình chăn nuôi lợn Nái Móng Cái thuần chủng, lợn dục giống, bò dục giống, trồng cây ăn quả. Các mô hình đã chứng minh được tính phù hợp trên địa bàn huyện Lập Thạch nói riêng và tỉnh Vĩnh Phúc nói chung. Nhiều mô hình đã được đông đảo bà con nông dân tiếp thu, duy trì và mở rộng trong sản xuất.
- Qua 2 năm thực hiện, dự án đã chuyển giao cho xã Hợp Lý rất nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới (giống lúa DH85, 98-30, 98-55, Q5, lúa lai hai dòng Bồi tạt Sơn Thanh, lúa lai TQ 3 dòng II ưu 838.vv, giống lạc LVT, giống ngô P60, P11, giống vịt siêu trứng CV2000, lợn nái thuần Móng Cái, lợn dục giống Landrace, bò dục giống lai Sind, giống cây ăn quả nhãn, vải, xoài, đu đủ Đài Loan... vv) và kèm theo các quy trình kỹ thuật mới.

Những kỹ thuật tiến bộ này đã góp phần đáng kể vào sự phát triển hệ thống cây trồng, thay đổi tập quán canh tác của rất nhiều nông dân. Phần lớn các tiến bộ kỹ thuật này được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Trung tâm khuyến nông của tỉnh Vĩnh Phúc, bà con nông dân nhiều xã đánh giá cao, tiếp nhận và mở rộng trong sản xuất.

- Qua 2 năm thực hiện, dự án đã tập huấn kỹ thuật cho một lượng lớn cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý của xã. Cùng với việc tập huấn, dự án đã biên soạn, in ấn số lượng lớn quy trình kỹ thuật và sách hướng dẫn và phát tới tận tay bà con nông dân. Đây là một hình thức chuyển giao kỹ thuật tiến bộ, nhanh chóng, kinh tế và rất hiệu quả. Đến nay, trình độ hiểu biết và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật của nông dân đã được nâng lên một bước đáng kể, trình độ quản lý và chỉ đạo sản xuất của cán bộ xã, cán bộ thôn đã được cải thiện rõ rệt. Đây chính là kết quả lâu dài và bền vững của dự án.

2. Hiệu quả kinh tế trực tiếp của mô hình.

2.1. Mô hình 1:

a. Cây lúa:

Qua 2 năm thực hiện dự án đã xây dựng được 5.5 ha lúa xuân và 53.0 lúa mùa, ước tính 80% diện tích mô hình tăng 5,0 tạ/ha, tổng sản lượng thóc tăng là 29.250 kg, đây là con số tính toán đơn giản, dựa trên diện tích mô hình đã được xây dựng. Tuy nhiên trong thực tế diện tích giống lúa thuần như: Khang dân 18, Q5, DH85, 98-30, 98-55 đã được mở rộng rất lớn trong

hai xã và quy trình kỹ thuật canh tác mới được ứng dụng trong toàn bộ quá trình gieo cây của bà con nông dân sẽ làm tăng đáng kể sản lượng lương thực của xã, như vậy hiệu quả trực tiếp từ mô hình lúa là rất lớn.

(PTTH)

b. Về lạc xuân:

Trong 2 năm dự án đã xây dựng 10 ha mô hình thâm canh giống lạc LVT với biện pháp kỹ thuật thâm canh mới và ứng dụng quy trình công nghệ che phủ nilon. Qua thực tế, với các mức đầu tư không cao hơn nhiều so với tập quán canh tác cũ của bà con nông dân, toàn bộ diện tích 10 ha mô hình đều cho năng suất bình quân vượt các giống cũ của địa phương 12 tạ/ha, như vậy tổng sản lượng lạc đã tăng từ các mô hình là 120 tạ. Hiện nay phần lớn diện tích cây lạc của xã Hợp Lý đều được trồng bằng giống lạc trên, điều này khẳng định tính hiệu quả cao của mô hình.

c. Về cây ngô:

Vụ đông năm 2000 dự án đã đầu tư xây dựng 34,0ha mô hình giống ngô P60 và P11. Giống ngô P11 cho năng suất bình quân 46,0 tạ/ha, giống ngô P60 đạt năng suất bình quân 50,0 tạ/ha, cao hơn so với giống đang sản xuất của địa phương 7 tạ/ha, sản lượng ngô đã tăng từ mô hình là 238 tạ.

d. Mô hình cây đậu xanh DX45 và đậu tương AK06:

- Diện tích mô hình giống đậu xanh DX45 không lớn, chỉ có 0,2ha nhưng đã góp phần bổ xung cơ cấu giống đậu đỗ cho địa phương. Các hộ nông dân tham gia mô hình đã thu được 350,0kg đậu xanh giống và có thể bán và trao đổi để duy trì giống và nhân rộng ở các vụ sau.

- Diện tích mô hình giống đậu tương AK06 là 10,0ha, với năng suất bình quân đạt 19 tạ/ha, tăng so với một số giống đang trồng phổ biến 4 tạ/ha, như vậy mô hình đã góp phần làm tăng thêm sản lượng đậu tương là 40 tạ. Giống đậu tương AK06 có thể trồng cả 3 vụ trong năm, thuận lợi cho việc bố trí tăng vụ trong năm, góp phần làm tăng năng suất và sản lượng đậu tương của xã.

3. Về chăn nuôi:

- Chăn nuôi lợn nái Móng Cái thuần chủng và lợn đực giống Landrace đang từng bước cải tiến chất lượng đàn lợn của địa phương. Bà con nông dân có thể chủ động được con giống tốt, không phải mua từ bên ngoài, giảm chi phí đầu tư sản xuất đồng thời chất lượng con giống tốt sẽ làm tăng năng suất, tăng hiệu quả chăn nuôi.

- Nuôi vịt CV2000 dễ nuôi, phù hợp với điều kiện của các địa phương có diện tích ao hồ ít và có thể nuôi theo cả hai hướng sản xuất trứng và thịt, mô hình mang lại hiệu quả cao được bà con chấp nhận và tự nhân rộng. Với khả năng đẻ tốt (275-285 quả/1 năm); trứng to (trung bình 70-75 gam/quả, tỷ lệ ấp nở cao (81-83% số trứng ấp); tỷ lệ nuôi sống cao (93-95% số con nở), hiệu quả kinh tế thu được từ việc bán trứng và ấp nở là rất lớn.

- Thông qua việc phối giống giữa bò đực giống lai Sind và bò cái của địa phương, mô hình nuôi bò đực giống lai Sind đã và đang phát huy hiệu quả,

từng bước cải tiến chất lượng đàn bò của địa phương, bò con dễ nuôi, dễ thích nghi với điều kiện địa phương, có năng suất và tầm vóc hơn hẳn bò địa phương vì vậy sẽ tăng hiệu quả cho các hộ chăn nuôi bò. Việc chủ động về phối giống cho bò cái ngay tại địa phương cũng giảm đáng kể chi phí cho các hộ.

3. Mô hình trang trại, trồng cây ăn quả xen kẽ cây bản địa nhằm tăng thu nhập, phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường sinh thái rừng.

- Với sự đầu tư số lượng lớn cây ăn quả có giá trị cao (nhãn, vải, xoài...) dự án đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình hoàn thiện giai đoạn hình thành các trang trại, giảm bớt chi phí cho các hộ gia đình trong giai đoạn đầu, tạo nên một số mô hình có triển vọng. Đây là hình thức hợp tác nhà nước và nhân dân cùng làm rất có hiệu quả. Trong 3 - 4 năm tới khi các mô hình trang trại này có hiệu quả sẽ thúc đẩy nhanh quá trình hình thành các trang trại của các hộ gia đình nông dân khác, vì khi đó họ có thể nhìn trực tiếp và thấy rõ hiệu quả của các trang trại, góp phần giảm chặt phá rừng, tăng phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường. Khi số lượng các trang trại nhiều sẽ tạo thành vùng lớn trồng cây ăn quả, các sản phẩm sẽ trở thành hàng hoá, hiệu quả kinh tế thu được từ trang trại là rất lớn.

- Mô hình cây Du đủ Đài Loan do lượng cây giống chia nhỏ cho các hộ gia đình (10 - 15 cây/ 1 hộ), sản xuất chưa tập trung, năng suất quả không đồng đều giữa các hộ, sản phẩm chủ yếu để cải thiện cho gia đình, chưa trở thành hàng hoá vì vậy giá trị của mô hình là góp phần làm đa dạng sản phẩm trồng trọt, cải thiện chế độ dinh dưỡng trong bữa ăn của nông dân. Muốn tạo những mô hình có hiệu quả kinh tế cao phải quy hoạch tập trung, đầu tư thâm canh theo quy trình kỹ thuật và điều quan trọng phải có đầu ra cho sản phẩm.

3. Hiệu quả về xã hội.

- Thông qua các lớp đào tạo và huấn luyện dự án đã góp phần nâng cao trình độ hiểu biết và tiếp thu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho cán bộ và bà con nông dân. Hình thức này đã tạo điều kiện cho bà con nông dân tiếp cận với kỹ thuật mới, cách làm mới, tăng hiệu quả lao động. Qua thực tế hai năm triển khai dự án, bà con nông dân trong xã được tham gia dự án đều tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới rất nhanh và hiệu quả.
- Dự án đã đào tạo được đội ngũ kỹ thuật viên, đội ngũ khuyến nông từ khu, thôn đến xã có trình độ cao hơn về khoa học kỹ thuật và năng lực tổ chức, chỉ đạo sản xuất. Dự án cũng tạo cơ hội để cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông của xã, tiếp cận, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm, kiến thức khoa học với nhiều cán bộ khoa học giỏi của các Viện nghiên cứu, trường Đại học và các cơ quan khoa học khác. Sau khi dự án kết thúc họ sẽ tiếp tục chủ động duy trì và phát triển tốt mối quan hệ này để học hỏi và tiếp cận nhiều hơn nữa những tiến bộ kỹ thuật mới phục vụ sản xuất của địa phương.

- Từ những hiệu quả đạt được của các mô hình sẽ kích thích tính năng động, sáng tạo và lòng say mê lao động sản xuất của bà con nông dân, qua đó tăng thêm công ăn việc làm, tăng sản phẩm hàng hoá, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xoá đói, giảm nghèo và loại trừ tệ nạn xã hội, ổn định chính trị trong vùng.

PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận.

1.1. Việc thực hiện "Xây dựng 2 mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi, triển khai tại xã xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc" rất phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương. Các mô hình đã khai thác tốt tiềm năng sẵn có của địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói, giảm nghèo, từng bước ổn định và nâng cao đời sống của bà con nông dân trong xã. 2 mô hình đã thực hiện đạt yêu cầu các mục tiêu chính dự án đề ra.

1.2. Các mô hình giống lúa DH85, Khang dân 18, Q5, lúa lai hai dòng Bồi Táp Sơn Thanh là những mô hình đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với cả 2 vụ xuân, mùa, đảm bảo thuận lợi cho việc bố trí cây trồng vụ đông.

1.3. Mô hình lạc xuân với quy trình công nghệ che phủ nilon là mô hình rất thành công và đạt hiệu quả cao. Giống lạc mới LVT là giống có năng suất cao có thể thay thế hoàn toàn các giống cũ của địa phương.

1.4. Mô hình cây đậu xanh DX45, đậu tương AK06 đã góp phần bổ xung thêm cơ cấu giống đậu đỗ cho địa phương.

1.5. Mô hình thâm canh tăng năng suất giống ngô P60 cũng thành công và mang lại hiệu quả cao, giống ngô P60 có thể mở rộng trong các vụ đông tiếp theo.

1.6. Mô hình nuôi vịt siêu trứng CV2000 ở các hộ gia đình là khá phù hợp điều kiện địa phương.

1.7. Mô hình chăn nuôi lợn, bò là các mô hình với các mục tiêu lâu dài là cải tiến chất lượng đàn bò, đàn lợn của địa phương, thông qua đó góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho các hộ gia đình. Đến nay dự án bước đầu cho hiệu quả, mô hình phù hợp với nguyện vọng và được sự tham gia nhiệt tình của người dân.

1.8. Mô hình trồng cây ăn quả có giá trị ở các trang trại đang kiến thiết là mô hình rất phù hợp với vùng nông thôn, miền núi xã Hợp Lý. Mô hình đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình hình thành các trang trại, giảm chặt phá rừng, tăng diện tích phủ xanh đồi trọc. Các mục tiêu này rất phù hợp với chủ trương, đường lối của huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc và Nhà nước.

1.9. Qua 2 năm thực hiện, dự án đã huy động một lực lượng đông đảo cán bộ khoa học Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam và một số cơ quan khoa học khác của TƯ và địa phương tham gia và chuyển giao kỹ thuật tiến bộ cho bà con nông dân. Bằng những kết quả cụ thể của các mô hình trình

diễn, dự án đã giúp người dân thay đổi cách nghĩ, cách làm, thay đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, phát huy tiềm năng sẵn có của địa phương, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế.

1.10. Dự án là mô hình tốt về đào tạo, nâng cao kiến thức, trình độ quản lý cho cán bộ và nhân dân trong thôn, xã. Đề nghị UBND tỉnh và UBND huyện Lập Thạch có chủ trương cho mở rộng dự án trong toàn huyện Lập Thạch.

1.11. Trong thời gian thực hiện dự án đã có sự cộng tác, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa cán bộ khoa học, cán bộ quản lý của Trung ương với cấp tỉnh, cấp huyện và địa phương các xã thực hiện dự án.

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam và các cơ quan phối hợp tham gia thực hiện dự án đều nhất trí đánh giá đây là dự án đạt kết quả cao, có ý nghĩa thực tiễn lớn, đáp ứng các mục tiêu và nội dung đặt ra của dự án.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện 2 mô hình KH-CN tại xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch trong dự án NTMN báo cáo các đại biểu, kính mong đại biểu đóng góp ý kiến và nghiệm thu 2 mô hình trên.

SỞ KHOA HỌC - CN&MT VINH PHÚC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

SỞ KHOA HỌC - CN&MT

=====

**BÁO CÁO NGHIỆM THU
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH TẠI XÃ BÌNH DƯƠNG,
HUYỆN VINH TƯƠNG THUỘC DỰ ÁN:**

*"Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ
phục vụ phát triển kinh tế, xã hội nông thôn và miền núi"*

Vinh Phúc, tháng 3 năm 2001

khoa học công nghệ cho các vùng nông thôn, miền núi đã chấp thuận cho tỉnh Vĩnh Phúc xây dựng và tổ chức thực hiện dự án "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi, triển khai tại xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường và xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc".

Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc - cơ quan chủ quản dự án đã chọn Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam làm cơ quan khoa học chính chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp để triển khai các nội dung của dự án.

Dự án triển khai tại xã Bình Dương (huyện Vĩnh Tường) - đặc trưng cho nông thôn vùng đồng bằng của tỉnh.

** Vài nét về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội xã Bình Dương*

- Bình Dương nằm cách Quốc lộ số 2 về phía tây: 5km, có đường trải nhựa đến xã, hệ thống điện, thủy lợi tương đối hoàn chỉnh.

- Tổng diện tích đất tự nhiên là 740ha, trong đó:

+ Đất trồng lúa: 456ha

+ Đất trồng màu: 72ha

+ Đất khác: 212ha

- Xã nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, có đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc bộ, có trữ lượng nước ngầm và nước mặt phong phú.

- Dân số của xã là: 10.564 người (năm 1997), trình độ dân trí khá, lãnh đạo xã, hợp tác xã, đội ngũ cán bộ kỹ thuật có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, triển khai sản xuất.

- Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và dịch vụ: nông nghiệp chiếm 61%, dịch vụ chiếm 30%, thủ công nghiệp và ngành nghề khác chiếm 9%.

Nhìn chung xã Bình Dương có điều kiện thuận lợi để triển khai xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đó là: Điều kiện giao thông thuận lợi, gần trung tâm tỉnh, trung tâm huyện và đường Quốc lộ 2 - là điều kiện rất tốt để tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp; cơ sở hạ tầng tương đối hoàn chỉnh, trình độ dân trí cao, lãnh đạo và nhân dân trong xã có nhiều kinh nghiệm sản xuất và nhiệt tình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong mới.

II. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN TẠI XÃ BÌNH DƯƠNG:

1. Xây dựng 02 mô hình:

+ Mô hình 1. Xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng có năng suất cao, tăng thu nhập, nâng cao mức sống của người dân.

+ Mô hình 2. Xây dựng mô hình vệ sinh môi trường nông thôn, bằng cách triển khai TBKT thu gom phân gia súc, chất phân huỷ hữu cơ thành khí Biogas phục vụ đun đốt.



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

SỞ KHOA HỌC - CN&MT

=====

BÁO CÁO NGHIỆM THU
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH TẠI XÃ BÌNH DƯƠNG,
HUYỆN VINH TƯỜNG THUỘC DỰ ÁN:

*"Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ
phục vụ phát triển kinh tế, xã hội nông thôn và miền núi"*

- Cấp quản lý: Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường
- Cơ quan chủ quản dự án:
Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Vĩnh Phúc.
- Cơ quan chính chuyên giao khoa học công nghệ:
Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp:
 - Viện Chăn nuôi.
 - Viện Nghiên cứu ngô.
 - Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc.
 - Trung tâm Giống cây lương thực Vĩnh Phúc.
 - Ủy ban nhân dân Vĩnh Tường.
 - Ủy ban nhân dân xã Bình Dương.
- Thời gian thực hiện:
 - Từ tháng 1 năm 1999 đến tháng 1 năm 2001

PHẦN I.

KHÁI QUÁT VÙNG DỰ ÁN, MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG DỰ ÁN

I. GIỚI THIỆU DỰ ÁN.

Thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và quyết định số 72/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc phát triển toàn diện kinh tế, xã hội nông thôn, miền núi. Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường trong các hoạt động hỗ trợ

2. Nhân rộng kết quả của các mô hình ra toàn xã và một số xã khác trong huyện.

3. Đào tạo cán bộ, kỹ thuật viên, nâng cao trình độ quản lý, triển khai các tiến bộ kỹ thuật cho xã, huyện. Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật nâng cao trình độ hiểu biết và áp dụng khoa học kỹ thuật cho bà con nông dân.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA CÁC MÔ HÌNH TẠI XÃ BÌNH DƯƠNG

1. Mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi:

- Chuyển đổi một số diện tích giống cũ, bằng một số giống mới năng suất cao, phẩm chất khá như 98-30, ĐH-85, CN122, lúa lai, lúa thuần TQ. Năng suất trung bình tăng 11 - 12 tạ/ha/năm, trên diện tích 40 ha mỗi vụ.

- Đưa cây ngô vụ đông vào đại trà, ứng dụng các giống mới P11, LVN 4, Bioseed..., đưa năng suất ngô tăng 7 tạ/ha so với các giống cũ. Diện tích mô hình là 10 ha.

- Đưa giống lạc mới năng suất cao LO2, LO3, ứng dụng TBKT che phủ nilon cho lạc nhằm tăng năng suất lạc 6 tạ/ha so với các giống cũ của địa phương. Diện tích mô hình là 15 ha.

- Trồng chăn nuôi, đưa đàn lợn lai kinh tế, đàn vịt siêu trứng CV2000 để xây dựng một số mô hình chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện địa phương.

2. Xây dựng mô hình vệ sinh môi trường nông thôn, bằng cách triển khai TBKT thu gom phân gia súc, chất phân huỷ hữu cơ thành khí Biogas phục vụ đun đốt.

Xây dựng 6 điểm sản xuất khí biogas, với quy mô gia đình khác nhau. Mỗi năm 1 mô hình nhỏ có thể thu gom 18 tấn, mô hình to 36 tấn phân gia súc, gia cầm. Một điểm có thể sản xuất lượng khí gas thay thế từ 0,9 tấn than cám đến 1,8 tấn than cám/năm.

3. Nhân rộng kết quả của các mô hình ra toàn xã và một số xã khác trong huyện.

- Sau khi tổng kết các mô hình vào đầu năm 2001. Đến năm 2005 có khả năng nhân rộng các giống lúa có năng suất cao, ổn định ở xã Bình Dương là 250ha (chiếm 60% tổng diện tích lúa), và ở huyện Vĩnh Tường là 3000ha (chiếm 28% diện tích lúa).

- Mô hình lạc có khả năng nhân rộng ra từ 100 - 150 ha đối với xã và 600 - 800 ha đối với huyện.

- Đàn lợn lai kinh tế đạt 30% tổng đàn trong huyện Vĩnh Tường, bằng 20 ngàn con. Đàn vịt CV 2000 có thể nhân ra từ 150 - 200 đàn.

4. Đào tạo cán bộ, kỹ thuật viên, nâng cao trình độ quản lý, triển khai các tiến bộ kỹ thuật cho xã, huyện. Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật nâng cao trình độ hiểu biết và áp dụng khoa học kỹ thuật cho bà con nông dân.

- Đào tạo kỹ thuật cho xã Bình Dương 20 người. Tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho 1500 lượt nông dân.
- Xuất bản 1.500 cuốn sách hướng dẫn kỹ thuật nuôi, trồng các loại cây, con để phát cho bà con nông dân và cán bộ khuyến nông trong xã.

III. TỔ CHỨC, THỰC HIỆN DỰ ÁN.

Ngay sau khi có quyết định của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường cho phép triển khai dự án, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Vĩnh Phúc đã thảo luận, thống nhất các nội dung, tiến độ, kinh phí... và ký kết hợp đồng với Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam để triển khai xây dựng các mô hình.

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam đã bàn bạc và thống nhất với Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Vĩnh Phúc, Lãnh đạo UBND huyện Vĩnh Tường và Lãnh đạo UBND xã Bình Dương về các biện pháp tổ chức, thực hiện dự án.

- Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam đã thành lập ban điều hành dự án, với số lượng 8 người, bao gồm các thành viên là lãnh đạo Viện, đại diện phòng quản lý và một số trưởng đơn vị tham gia triển khai các nội dung của dự án. Ban điều hành có trách nhiệm tổ chức, xây dựng kế hoạch triển khai, theo dõi, đánh giá... nội dung và tất cả các vấn đề khác có liên quan đến dự án.
- Huy động đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, các chuyên gia có kinh nghiệm của các cơ quan khoa học Trung ương, tỉnh và huyện trực tiếp tham gia triển khai dự án, trên cơ sở thống nhất về cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ làm việc tại địa phương.
- Trước khi xây dựng các mô hình, ban điều hành dự án làm việc cụ thể và chi tiết với Đảng ủy, lãnh đạo và ban tiếp nhận dự án xã Bình Dương để chọn điểm, chọn hộ nông dân tham gia mô hình, thống nhất quyền lợi và trách nhiệm cho các hộ. Cụ thể hoá với lãnh đạo xã và hộ nông dân tham gia dự án các nội dung, cách thức triển khai, quản lý và điều hành dự án. Các loại vật tư kỹ thuật đầu tư thông qua ban tiếp nhận dự án xã và sau đó phát trực tiếp đến hộ nông dân.

Ban điều hành dự án huy động đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm triển khai các dự án nông thôn miền núi tham gia đào tạo, chỉ đạo sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ cơ sở và nông dân để có thể tiếp cận được các tiến bộ kỹ thuật mới và có thể mở rộng nhanh các mô hình trong sản xuất.

Sau khi kết thúc mỗi mô hình, ban điều hành dự án tổ chức các cuộc họp để đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm triển khai các mô hình tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn.

Tổ chức các hội nghị tập huấn, thăm quan đầu bờ cho nông dân nhằm nhân nhanh các mô hình có hiệu quả cao ra sản xuất.

Tiến hành sơ kết, tổng kết dự án và thường xuyên báo cáo tiến độ và kết quả triển khai dự án cho các cấp có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH 1 *"Xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng có năng suất cao, tăng thu nhập, nâng cao mức sống của người dân - triển khai tại xã Bình Dương".*

Phần 1. Trồng trọt

1. Về lúa xuân

1.1. Quy mô:

Một số giống lúa xuân mới được thực hiện tại một số thôn, khu của xã Bình Dương, tổng diện tích trong 2 năm là 90 ha, trong đó

- Năm 2000: diện tích lúa xuân là 53ha, các giống được đưa vào cơ cấu xuân muộn tại xã Bình Dương, trên đất 2 lúa - 1 ngô đông. Trong đó: giống Khang Dân 18 (20ha) và giống lúa lai Trung Quốc Nhị ưu 838 (33ha).
- Năm 2001: diện tích lúa xuân là 37ha, các giống được đưa vào cơ cấu xuân muộn tại xã Bình Dương, trên đất 2 lúa - 1 ngô đông. Trong đó: giống Ai Hoà Thành (20ha) và giống lúa lai hai dòng Trung Quốc Bồi tập Sơn Thanh (17ha)

1.2. Giải pháp kỹ thuật

Để đảm bảo sự thành công và đạt hiệu quả cao cho mô hình Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam đã nghiên cứu, chọn các giải pháp kỹ thuật phù hợp để áp dụng và triển khai. Cụ thể các giải pháp đó là:

- Nghiên cứu tuyển chọn bộ giống lúa thích hợp có năng suất cao, phù hợp với cơ cấu thời vụ, điều kiện tự nhiên và khả năng đầu tư thâm canh của nông dân.
- Các giống lúa đầu tư cho địa phương đều đảm bảo phẩm cấp giống nguyên chủng và cấp 1. Giống đảm bảo chắc chắn về năng suất trong điều kiện áp dụng đúng các quy trình kỹ thuật hướng dẫn. Các giống lúa thuần có thể dùng làm giống, mở rộng diện tích cho các vụ sau.
- Trước khi cung cấp giống cho nông dân, cán bộ chuyên môn trực tiếp chỉ đạo xây dựng mô hình đều kiểm tra kỹ lưỡng về tỷ lệ nảy mầm, tỷ lệ lẫn của giống.
- Tập huấn đầy đủ và phát tài liệu quy trình kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật cơ sở và các hộ tham gia mô hình.
- Chỉ đạo gieo cấy đúng quy trình kỹ thuật.
- Xây dựng quy trình bón phân cân đối và hợp lý cho từng loại giống, cụ thể:

- + Đối với các giống lúa thuần (Khang Dân 18, Ai Hoà Thành)
 - 10 tấn phân chuồng + 100 kgN + 75kg P_2O_5 + 60kg K_2O cho 1ha
- + Các giống lúa lai Trung Quốc:
 - 12 tấn phân chuồng + 130kg N + 100kg P_2O_5 + 70kg K_2O cho 1ha

- Cử cán bộ chuyên môn của Viện, cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp sản xuất thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của cây lúa, phát hiện sâu bệnh hại và có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

1.3. Kết quả đạt được

Các giống lúa trong mô hình của dự án đều cho năng suất hơn các giống đang sản xuất đại trà ở địa phương.

- Vụ xuân năm 2000: giống lúa Khang Dân 18 đạt năng suất bình quân 5.2 - 5.5 tấn/ha và giống lúa Nhị ưu 838 cho năng suất bình quân 5.5 tấn - 6.0 tấn/ha.
- Vụ xuân năm 2001: diện tích các giống lúa của dự án (Ái Hoà Thành và Bồi tạp Sơn Thanh) đã được gieo cấy đầy đủ, cây lúa sinh trưởng phát triển tốt, năng suất trung bình đạt 6.1 tấn/ha.

1.4. Đánh giá chung về giống lúa xuân.

- Vụ xuân năm 2000, dự án tập trung xây dựng mô hình thâm canh lúa xuân muộn tại xã Bình Dương, với hai giống lúa đã triển khai tại xã trong những năm gần đây là giống Khang Dân 18 (20ha) và giống lúa lai TQ Nhị ưu 838 (33ha). Dự án tập trung vào việc đầu tư giống tốt và tập huấn quy trình kỹ thuật thâm canh cho bà con nông dân tham gia mô hình. Mặc dù đầu vụ các diện tích lúa của toàn xã gặp rét đậm kéo dài nhưng do làm đúng quy trình kỹ thuật hướng dẫn nên diện tích cấy và cho thu hoạch vẫn đảm bảo kế hoạch. Thực tế hai giống lúa này khá phù hợp với cơ cấu sản xuất của huyện Vĩnh Tường và của xã Bình Dương vì vậy diện tích mô hình rất tập trung, mô hình đạt hiệu quả cao. Giống lúa Nhị ưu 838 cho năng suất bình quân 5,5 tấn - 6,0 tấn/ha, giống lúa Khang Dân 18 đạt 5,2 - 5,5 tấn/ha (vượt năng suất so với giống cũ của địa phương từ 10 - 12 tạ/ha).

- - Qua 2 năm triển khai dự án, các giống thuần và lúa lai Trung Quốc khá phù hợp với cơ cấu và mùa vụ sản xuất của huyện Vĩnh Tường và xã Bình Dương. Vụ xuân năm 2001 dự án tiếp tục đầu tư xây dựng mô hình thâm canh tăng năng suất lúa xuân muộn bằng 2 giống lúa Ái Hoà Thành (20ha) và Bồi tạp Sơn Thanh (17ha). Sau khi cấp giống, dự án đã tập huấn đầy đủ quy trình kỹ thuật thâm canh cho bà con nông dân tham gia mô hình. Các giống lúa đã được gieo cấy đầy đủ, theo đúng quy trình kỹ thuật, năng suất trung bình đạt 6,1 tấn/ha.

2. Về lúa mùa

2.1. Quy mô:

Các giống lúa mùa được thực hiện tại một số thôn, khu của xã Bình Dương, tổng diện tích là 23,3 ha, trong đó:

Giống lúa DH85 (10,0ha); giống 98-30 (11,0ha); giống 98-55 (1,0ha); giống 98-10 (1,0ha); giống lúa chất lượng cao DT122 (0,3ha).

2.2. Giải pháp kỹ thuật

Các giải pháp kỹ thuật được áp dụng tương tự như xây dựng mô hình lúa xuân đã trình bày ở trên. Chỉ khác quy trình bón phân

+ Đối với giống lúa thuần (DH85; DT122; 98-30; 98-10)

9 tấn phân chuồng + 90 kgN + 60kg P_2O_5 + 45kg K_2O cho 1ha

+ Đối với các giống lúa thuần (98-55, Khang Dân 18, Q5)

10 tấn phân chuồng + 100 kgN + 70kg P_2O_5 + 55kg K_2O cho 1ha

+ Các giống lúa lai Trung Quốc:

12 tấn phân chuồng + 120kg N + 100kg P_2O_5 + 80kg K_2O cho

2.3. Kết quả đạt được

* Tại xã Bình Dương

Giống lúa DH85 cho năng suất bình quân 4,5 - 5,0 tấn/ha

Các giống 98-30; 98-10; 98-55: cho năng suất thấp, bình quân 2,5 tấn/ha.

Giống lúa DT 122 không thu hoạch (do chuột phá)

2.4. Đánh giá chung về cây lúa.

2.4.1. Về diện tích: Từ triển triển khai 40 ha mỗi vụ, 4 vụ là 160 ha. Thực hiện 115,3 ha. Nguyên nhân một số giống như: 98-30, 98-10, 98-55, DT122 bình đưa tiếp vào các vụ sau nhưng năng suất thấp nên không triển khai tiếp, kinh phí chuyển sang mục khác.

2.4.2. Về tính thích ứng của giống:

Vụ mùa năm 1999 đã đưa các giống lúa mới: DH85; 98-30; 98-10; 98-55 và DT 122 vào sản xuất. Ưu điểm: thời gian sinh trưởng ngắn và trung bình, phù hợp cơ cấu mùa vụ chính vụ, năng suất cao, chất lượng tốt để xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu giống và thâm canh tăng năng suất lúa.

Qua thực tế, mô hình giống lúa DH85 đạt hiệu quả cao, DH85 là giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn (100 - 105 ngày trong vụ mùa sớm). Chăm sóc, ít sâu bệnh, năng suất bình quân đạt 4,5 - 5,0 tấn/ha, được bà con nông dân chấp nhận và duy trì trong các vụ tiếp theo.

Giống lúa chất lượng cao DT122 có ưu điểm là cơm ngon, hạt gạo dài, thơm, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, thời gian sinh trưởng rất ngắn (90 ngày trong vụ mùa sớm) - rất thuận lợi cho việc bố trí cây vụ đông. Tuy nhiên do diện tích mô hình nhỏ, giống tập trung, lúa chín sớm hơn các giống đại trà 15 ngày vì vậy một bộ diện tích mô hình ở hai xã bị chuột phá hoại, không cho thu hoạch.

Các giống lúa 98-30; 98-10; 98-55 đều là những giống có năng suất cao, chất lượng khá, nhưng chịu sâu bệnh. Thực tế trong vụ mùa năm 1999, đầu vụ các giống này sinh trưởng, phát triển rất tốt, nhưng do lượng giống chuyển giao cho bà con xã bị muộn so với thời vụ, các giống này có thời gian sinh trưởng từ 110 - 130 ngày, dài hơn so với các giống sản xuất đại trà của địa phương 10 - 15 ngày, vì vậy cuối vụ diện tích các giống này bị

sâu đục thân phá hoại rất mạnh, cán bộ chuyên môn của dự án đã chỉ đạo bà con nông dân phun thuốc phòng trừ nhưng hiệu quả phun thuốc rất thấp. Mô hình không đạt yêu cầu để ra, các giống chỉ cho năng suất 2,0 - 2,5 tấn/ha. Một số hộ gia đình thực hiện triệt để việc phun thuốc, các giống 98-55; 98-30 vẫn cho năng suất 5,0 - 5,5 tấn/ha và được các hộ này duy trì trong các vụ tiếp theo. Các giống 98-55; 98-30; 98-10 nếu được triển khai đúng thời vụ, đúng quy trình kỹ thuật, diện tích lớn và tập trung chắc chắn mô hình cho hiệu quả cao, năng suất bình quân có thể đạt 5,5 - 6,0 tấn/ha.

2.4.3. Về năng suất: Trong 5 giống đưa vào có 1 giống DH85 có năng suất cao vượt giống của địa phương từ 10 - 12 tạ/ha. 4 giống khác năng suất thấp không đạt yêu cầu để ra.

3. Về cây lạc xuân và quy trình công nghệ che phủ nilon cho lạc xuân.

3.1. Quy mô:

Cây lạc được thực hiện tại một số thôn, khu của xã Bình Dương, tổng diện tích là 04 ha, trong đó:

- Vụ xuân năm 1999: Diện tích 1.0 ha giống lạc LO3 có che phủ nilon, trên đất chuyên màu.
- Vụ xuân năm 2000: Diện tích 3.0 ha giống lạc MD7 có che phủ nilon.

3.2. Giải pháp kỹ thuật

- Nghiên cứu tuyển chọn các giống lạc mới có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với cơ cấu thời vụ, điều kiện tự nhiên và khả năng đầu tư thâm canh của nông dân.
- Các giống lạc đầu tư cho địa phương đều đảm bảo tiêu chuẩn giống. Giống đảm bảo năng suất cao trong điều kiện áp dụng đúng các quy trình kỹ thuật hướng dẫn.
- Trước khi cung cấp giống cho nông dân, cán bộ chuyên môn trực tiếp chỉ đạo xây dựng mô hình đều kiểm tra kỹ lưỡng về tỷ lệ nảy mầm, tỷ lệ lẫn của giống.
- Lựa chọn các giải pháp kỹ thuật và quy trình công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp với điều kiện đầu tư của địa phương để áp dụng xây dựng mô hình.
- Tập huấn đầy đủ và phát tài liệu quy trình kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật cơ sở và các hộ tham gia mô hình.
- Chỉ đạo gieo trồng đúng quy trình kỹ thuật.
- Xây dựng quy trình bón phân cân đối và hợp lý cho các loại giống, cụ thể:

10 tấn phân chuồng + 20kg N + 110kg P_2O_5 + 70kg K_2O và 550kg vôi bột cho 1ha (áp dụng cho tất cả các giống lạc triển khai)

Cử cán bộ chuyên môn của Viện, cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp sản xuất thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của cây lạc, phát hiện sâu bệnh hại và có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

3.3. Kết quả đạt được

Các giống lạc trong mô hình của dự án đều cho năng suất cao hơn 50 - 100% so với các giống lạc địa phương, mô hình đạt hiệu quả cao. Kết quả được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Diện tích và năng suất các giống lạc trong vụ xuân 1999 và 2000

Tên giống	Vụ xuân 1999		Vụ xuân 2000	
	Diện tích (ha)	Năng suất bình quân (tạ/ha)	Diện tích (ha)	Năng suất bình quân (tạ/ha)
LO3	1,0	22,0 - 25,0	-	-
MD7	-	-	3,0	25,0 - 28,0
Các giống lạc của địa phương	-	11,0 - 14,0	-	11,0 - 14,0

3.4. Đánh giá chung mô hình.

3.4.1. Về diện tích: Kế hoạch triển khai 15 ha, thực hiện 4 ha. Nguyên nhân do cây lạc ở địa phương phát triển khá, vì vậy Ban điều hành nhất trí chuyển kinh phí sang thực hiện phần khác như bổ sung cho cây ăn quả, cây dự đủ.

3.4.2. Về tính thích ứng giống lạc mới và công nghệ che phủ nilon: Trong vụ xuân năm 1999 và 2000, dự án đã chuyển giao 2 giống lạc mới: LO3, MD7 và quy trình công nghệ che phủ nilon lạc xuân cho xã Bình Dương. Các giống lạc mới đã góp phần chuyển đổi cơ cấu giống lạc, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế cho các hộ nông dân tham gia mô hình. Dự án đã mở 3 lớp tập huấn chuyển giao quy trình công nghệ che phủ nilon cho lạc xuân cho bà con nông dân tham gia, đây là một biện pháp kỹ thuật tiên tiến, với các ưu điểm: giữ ẩm và độ ẩm cho lạc khi gieo vào vụ xuân (thường gặp hạn và rét), thúc đẩy nhanh quá trình nảy mầm và đảm bảo tỷ lệ mọc của cây, tạo điều kiện thuận lợi cho cây sinh trưởng và tạo củ, góp phần tăng năng suất lạc từ 30 - 40%. Thực tế sau 2 năm triển khai dự án, các giống lạc mới đã thay thế gần 100% diện tích trồng lạc của xã các giống này cũng đã được phát triển ở nhiều xã khác ở trong huyện, tỉnh. Các giống lạc mới, với quy trình kỹ thuật che phủ nilon lần đầu tiên được triển khai ở 2 xã nhưng cũng đã có hiệu quả cao. Tháng 5 năm 2000, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Vĩnh Phúc đã phối hợp với Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam tổ chức hội nghị đầu bờ với sự tham dự của Bộ NN&PTNT, Bộ KH&CN&MT, và một số cơ quan, ban ngành có liên quan của tỉnh Vĩnh Phúc và một số tỉnh bạn để thăm quan đánh giá mô hình này.

3.4.3. Về năng suất: Năng suất của giống lạc mới cao hơn giống cũ từ 50 - 100% (12 - 14 tạ/ha) vượt yêu cầu dự án đề ra. Kỹ thuật che phủ nilon cho năng suất cao hơn đối chứng 30 - 40%, đạt yêu cầu dự án đề ra.

3.4.4. Triển vọng mở rộng của dự án: Hiện nay xã đã thay thế 100% bằng giống lạc mới, 30% diện tích trồng lạc ứng dụng kỹ thuật che phủ nilon.

Phần 2. Chăn nuôi

1. Chăn nuôi lợn

1.1. Quy mô:

- Mô hình được thực hiện tại 92
- Số lượng các loại giống được th

các thôn của xã, quy mô 10 -
cho các xã được thể hiện ở

2.2. Giải pháp kỹ thuật

Mô hình chăn nuôi lợn nhằm mục
của địa phương, nâng cao hiệu qu
vậy giải pháp kỹ thuật cho việc xâ

- Lựa chọn cẩn thận, kỹ càng các
công ty sản xuất giống có uy tín
- Tiêm phòng đầy đủ cho toàn bộ
đình.
- Tập huấn đầy đủ quy trình kỹ
bệnh, thụ thai cho lợn nái, cách
liệu hướng dẫn cho các hộ tham
tập.

- Cán bộ chuyên môn của cơ qu

khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp xây dựng mô hình thường xuyên
kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát dục của lợn để có các giải
pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

2.3. Kết quả đạt được.

2.3.1. Về quy mô: Kế hoạch dự án cung cấp 60 lợn giống cho dân, thực hiện
92 con, vượt 50%.

2.3.2. Tính thích ứng của giống lợn: Toàn bộ giống lợn nái Móng Cái thuần
chủng do dự án đầu tư đều khoẻ mạnh, lợn sinh trưởng tốt, tỷ lệ sống đạt
98% (1 con nái Móng Cái chết khi mới đưa về 10 ngày - do hộ gia đình
chuẩn bị chuồng không đạt yêu cầu theo hướng dẫn, lợn bị cảm lạnh). Lợn
nái Móng Cái sau 6 - 7 tháng tuổi (trọng lượng đạt 40-45kg đã có biểu hiện
động dục, các hộ gia đình đã cho thụ tinh và lợn mẹ đẻ khá tốt *12 -
14con/1lứa, đàn con khoẻ mạnh, dáng vóc đẹp, được các hộ gia đình đánh
giá cao. Các con nái được đầu tư từ tháng 11 năm 1999 đã bắt đầu đẻ lứa
thứ hai.

- Hai lợn đực giống Yorkshire sinh trưởng tốt, khoẻ mạnh, dáng vóc đẹp, chất
lượng tinh rất tốt được nhiều hộ gia đình trong xã tín nhiệm và đề nghị
được lấy giống.

Bảng 2 : Số lượng các loại giống lợn và số hộ tham gia mô hình

Loại giống	Số lượng (con)	Tháng cấp	Số hộ tham gia
Lợn đực giống Yorkshire	2	T4/2000	2
Lợn nái Móng Cái thuần chủng	90	T11/1999 T4/2000	90
Tổng cộng	92	-	92

2. Chăn nuôi vịt siêu trứng CV2000

1.2. Quy mô:

- Được thực hiện tại 100 hộ gia đình, thuộc các thôn của xã, quy mô 10 - 20 con/ 1 hộ gia đình. Số lượng giống đầu tư cho các xã được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3 : Số lượng giống vịt CV2000 và số hộ tham gia mô hình

Loại giống	Số lượng (con)	Tháng cấp	Số hộ tham gia
Vịt siêu trứng CV 2000	600	T11/1999	30
Vịt siêu trứng CV 2000	700	T4/2000	70
Vịt siêu trứng CV 2000	-	-	-
Tổng cộng	1300	-	100

2.2. Giải pháp kỹ thuật

- Lựa chọn cẩn thận, kỹ càng loại giống để xây dựng mô hình, con giống được mua từ các cơ quan khoa học và công ty sản xuất giống có uy tín của TƯ và địa phương.
- Tập huấn đầy đủ quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng trừ bệnh...vv. và phát đầy đủ tài liệu hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình và các hộ có yêu cầu học tập.
- 1- Toàn bộ vịt được nuôi đến 2 tuần tuổi, được tiêm phòng đầy đủ trước khi chuyển cho bà con nông dân. Tỷ lệ ghép đàn 1đực/10 cái.
- Hỗ trợ một phần thức ăn đậm đặc để các hộ nuôi trong một số ngày đầu khi chuyển giống cho các hộ gia đình để tránh sốc cho vịt con khi thay đổi môi trường sống đột ngột.
- Cán bộ chuyên môn của cơ quan khoa học cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp xây dựng mô hình thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của đàn vịt để có các giải pháp xử lý hữu hiệu và kịp thời.

2.3. Kết quả đạt được.

2.3.1. Về quy mô: Kế hoạch cung cấp 800 vịt, thực hiện cấp cho dân 1.300 con (100 hộ), vượt kế hoạch 62,5%.

2.3.2. Về năng suất: Giống vịt siêu trứng CV2000 là giống vịt được nhập từ nước Anh, có khả năng đẻ trứng cao (275-285 quả/1 năm); trứng to (trung bình 70-75 gam/quả, tỷ lệ ấp nở cao (81-83% số trứng ấp; tỷ lệ nuôi sống cao 93-95% số con nở. Thực tế mô hình chăn nuôi vịt siêu trứng CV2000 cho hiệu quả cao và nhanh chóng được mở rộng trong sản xuất.

- Số lượng vịt CV2000 dự án đầu tư có tỷ lệ sống cao (90%. Vịt sau khi nuôi 4.5-5.0 tháng đã bắt đầu đẻ, các hộ gia đình chăm sóc và nuôi dưỡng đầy đủ theo quy trình kỹ thuật hướng dẫn khả năng đẻ của vịt rất tốt, trứng to.

mẫu mã đẹp, có giá trị cao (thời gian tháng 4, tháng 5/2000, 1 quả trứng vịt CV bán được 1500đ, trong đó trứng vịt khác chỉ bán được 1000đ/quả).

2.3.3. Khả năng mở rộng dự án: Với 600 vịt giống đầu tư tháng 11/1999 và 700 vịt giống đầu tư tháng 4/2000, cùng với 1 lò ấp thủ công của 1 hộ gia đình chăn nuôi trong xã ban tiếp nhận dự án xã Bình Dương đã quản lý và chỉ đạo việc ấp nở trứng để nhân rộng đàn trong xã và bán rất hiệu quả. Đến nay xã Bình Dương đã chủ động hoàn toàn giống vịt cung cấp cho các hộ chăn nuôi. Ngoài ra đã ấp và bán hàng vạn con cho rất nhiều huyện trong tỉnh Vĩnh Phúc và các tỉnh khác như: Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang.

Đánh giá chung về chăn nuôi.

- Việc đưa một số giống lợn, vịt vào dự án đã thực sự phù hợp với nguyện vọng và yêu cầu của đông đảo bà con nông dân trong xã, vì vậy các mô hình được triển khai đạt hiệu quả cao.
- Mô hình chăn nuôi lợn dục giống Landrace, Yorkshire và lợn nái Móng Cái thuần đã và đang phát huy hiệu quả, góp phần cải tiến chất lượng đàn giống của địa phương (hiện nay đa số các con nái của địa phương đã già và thoái hoá, số lượng dục giống tốt ít).
- Mô hình chăn nuôi vịt CV2000 khá phù hợp với điều kiện chăn thả (không yêu cầu nhiều ao, hồ như các giống vịt khác, và mang lại hiệu quả cao cho các hộ chăn nuôi, mô hình được nhân rộng nhanh. Tuy nhiên giống vịt CV2000 thời gian từ nuôi đến khi bắt đầu cho trứng dài hơn so với giống vịt Trung Quốc đang nuôi ở rất nhiều nơi, vì vậy nếu chỉ nuôi đơn thuần để lấy trứng ăn thì hiệu quả không cao. Nếu các xã tổ chức tốt việc ấp nở giống để bán và giải quyết tốt đầu ra thì hiệu quả thu được sẽ cao hơn.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ MÔ HÌNH 1:

Mục tiêu của mô hình 1 là đưa một số giống cây và giống con để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong xã nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao, nâng cao mức sống của nhân dân.

Kết quả thực hiện đưa một số giống lúa mới, giống lạc và con lợn, con vịt vào xã Bình Dương đã khẳng định:

- Mặc dù về quy mô triển khai cây lúa, cây lạc chưa đạt kế hoạch đề ra, nhưng về mục tiêu chọn giống và đưa cơ cấu cây lạc vào vụ đông xuân đã khẳng định chọn được giống DH85 có năng suất cao, phù hợp với địa phương, chọn được giống lạc LO3, MD7 và kỹ thuật che phủ nilon cho năng suất rất cao so với giống lạc của địa phương, được bà con ưa chuộng và thay thế 100% diện tích bằng giống lạc mới.

- Về chăn nuôi: Đã thực hiện vượt kế hoạch dự kiến về quy mô, chất lượng giống lợn và vịt đảm bảo, phù hợp thay thế các giống lợn cũ và giống vịt của địa phương. Hiện đang nhân rộng trong xã các giống này.

những người có nguyện vọng được học tập kinh nghiệm, bí thư, trưởng phó các thôn, cụm... với tổng cộng khoảng 1.500 lượt người nông dân và 50 lượt cán bộ kỹ thuật của các xã đã tham gia các lớp tập huấn. Tất cả nội dung tập huấn đều rõ ràng, đơn giản dễ hiểu, phù hợp với trình độ dân trí của mọi người dân địa phương. Sau khi mở các lớp tập huấn, Viện luôn cử cán bộ chuyên môn xuống chỉ đạo và nắm tình hình trực tiếp tại cơ sở, hướng dẫn cụ thể cho bà con nông dân, vì vậy các mô hình luôn đạt hiệu quả cao.

- Dự án cũng đã tổ chức một lớp đào tạo kỹ thuật viên, làm công tác khuyến nông cho xã, với 15 người tham gia. Nội dung và chương trình của lớp học mang tính chất sâu và rộng, trên nhiều đối tượng cây trồng, vật nuôi. Lớp học cũng chú trọng cả phần phương pháp chuyển giao kỹ thuật tiến bộ để xây dựng các mô hình sản xuất. Sau khi được đào tạo, đội ngũ kỹ thuật viên này đã phát huy được năng lực của mình và cùng với cán bộ chuyên môn của dự án chỉ đạo thành công nhiều mô hình. Giảng viên của các lớp tập huấn, đào tạo kỹ thuật trên đều là những cán bộ khoa học có kinh nghiệm truyền đạt, kinh nghiệm thực tế chỉ đạo sản xuất, đặc biệt là ở vùng trung du, miền núi.

2. Các loại tài liệu đã được biên soạn.

- Quy trình kỹ thuật thâm canh các loại giống lúa thuần: D42, S15; DT122, 9855, 98-30; DH85; Khang dân 18; Q5;
 - Quy trình kỹ thuật thâm canh các loại giống lúa lai: Bồi tập Sơn Thanh; II ưu 838
 - Quy trình kỹ thuật thâm canh giống lạc LO3; LVT và MD7
 - Quy trình công nghệ che phủ nilon cho lạc xuân
 - Quy trình kỹ thuật thâm canh giống ngô P11 và P60
 - Quy trình kỹ thuật thâm canh giống đậu tương AK06
 - Quy trình kỹ thuật thâm canh giống đậu xanh DX45 và T135
 - Quy trình kỹ thuật nuôi vịt siêu trứng CV2000
 - Quy trình kỹ thuật nuôi lợn nái thuần Móng Cái
 - Quy trình kỹ thuật nuôi lợn đực giống Landrace
 - Quy trình kỹ thuật nuôi lợn đực giống Yorkshire
 - Quy trình kỹ thuật nuôi bò đực giống lai Sind
 - Quy trình kỹ thuật trồng nhãn, vải, đu đủ, hồng, na, xoài, cam, chanh
 - Tài liệu hướng dẫn xây dựng hệ thống thiết bị khí sinh học (Biogas)
 - Sách giới thiệu giống cây trồng, vật nuôi
- Tất cả tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đều được in và phát trực tiếp tới tay bà con nông dân.

3. Tổ chức thăm quan đầu bờ, học tập các mô hình tiên tiến.

Trong 2 năm, dự án tổ chức 03 hội nghị thăm quan đầu bờ các mô hình được xây dựng tại xã, với sự tham gia của đông đảo bà con nông dân và đại diện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Sở NN&PTNT, Sở KH&CN&MT, UBND huyện Vĩnh Tường và

một số phòng ban, cơ quan chức năng, cơ quan quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc và các tỉnh khác. Thông qua việc thăm quan đầu bờ, dự án cùng bà con nông dân đánh giá những thành công, cũng như còn tồn tại, rút kinh nghiệm, phát huy những thành công đã đạt được, khắc phục những điểm còn tồn tại để, xây dựng các mô hình tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn và nhân rộng các mô hình đã có hiệu quả ra sản xuất.

4. Thông tin, tuyên truyền.

Dự án đã mời phóng viên Báo nông nghiệp, Báo Khoa học, đời sống, Đài truyền hình Việt Nam, báo, đài tỉnh Vĩnh Phúc tham dự các buổi hội nghị đầu bờ, hội thảo khoa học, hội nghị sơ kết dự án để giới thiệu những kết quả thành công của dự án, khuyến khích mở rộng các mô hình có hiệu quả cao cho các xã, huyện trong tỉnh Vĩnh Phúc

PHẦN III. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

I. Nhận xét chung về kết quả thực hiện các mô hình ở xã Bình Dương.

Sau 2 năm thực hiện, được sự chỉ đạo của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, sự phối hợp thường xuyên và hiệu quả của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường, Ủy ban nhân dân xã Bình dương và bà con nông dân tham gia mô hình dự án đã triển khai một cách thuận lợi và thu được nhiều kết quả.

- Nhìn chung các nội dung chính của dự án thực hiện đạt yêu cầu đề ra. Các mô hình về trồng trọt, chăn nuôi đã đạt nhiều kết quả khả quan. Qua các kết quả đã được chứng minh của mô hình càng khẳng định ý nghĩa và tính đúng đắn của các mục tiêu và nội dung đề ra.
- Dự án đã rất thành công trong việc xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu giống lạc và thâm canh lạc với quy trình công nghệ che phủ nilon, mô hình thâm canh lúa; mô hình chăn nuôi lợn nái Móng Cái thuần chủng, lợn dục giống. Các mô hình đã chứng minh được tính phù hợp trên địa bàn huyện Vĩnh Tường nói riêng và tỉnh Vĩnh Phúc nói chung. Nhiều mô hình đã được đồng đạo bà con nông dân tiếp thu, duy trì và mở rộng trong sản xuất.
- Qua 2 năm thực hiện, dự án đã chuyển giao cho xã Bình dương rất nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới (giống lúa DH85, 98-30; 98-55, Q5, lúa lai hai dòng Bồi tạp Sơn Thanh, lúa lai TQ 3 dòng II ưu 838.vv, giống lạc LVT, LO3; giống vịt siêu trứng CV2000, lợn nái thuần Móng Cái, lợn dục giống Yorskire và kèm theo các quy trình kỹ thuật mới. Những kỹ thuật tiến bộ này đã góp phần đáng kể vào sự phát triển hệ thống cây trồng, thay đổi tập quán canh tác của rất nhiều nông dân. Phần lớn các tiến bộ kỹ thuật này được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Trung tâm khuyến

nông của tỉnh Vĩnh Phúc, bà con nông dân nhiều xã đánh giá cao, tiếp nhận và mở rộng trong sản xuất.

- Qua 2 năm thực hiện, dự án đã tập huấn kỹ thuật cho một lượng lớn cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý của xã. Cùng với việc tập huấn, dự án đã biên soạn, in ấn số lượng lớn quy trình kỹ thuật và sách hướng dẫn và phát tới tận tay bà con nông dân. Đây là một hình thức chuyển giao kỹ thuật tiến bộ, nhanh chóng, kinh tế và rất hiệu quả. Đến nay, trình độ hiểu biết và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật của nông dân đã được nâng lên một bước đáng kể, trình độ quản lý và chỉ đạo sản xuất của cán bộ xã, cán bộ thôn đã được cải thiện rõ rệt. Đây chính là kết quả lâu dài và bền vững của dự án.

2. Hiệu quả kinh tế trực tiếp của mô hình.

2.1. Mô hình 1:

a. Về cây lúa:

Qua 2 năm thực hiện dự án đã xây dựng được 90,0 ha lúa xuân và 23,3 ha lúa mùa, ước tính 70% diện tích mô hình tăng 5,0 tạ/ha, tổng sản lượng thóc tăng là 39.655 kg, đây là con số tính toán đơn giản, dựa trên diện tích mô hình đã được xây dựng. Tuy nhiên trong thực tế diện tích giống lúa thuần như: Khang dân 18, Q5, DH85, 98-30, 98-55 đã được mở rộng rất lớn trong xã và quy trình kỹ thuật canh tác mới được ứng dụng trong toàn bộ quá trình gieo cấy của bà con nông dân sẽ làm tăng đáng kể sản lượng lương thực của xã, như vậy hiệu quả trực tiếp từ mô hình lúa là rất lớn.

(PTTH)

b. Về lạc xuân:

Trong 2 năm dự án đã xây dựng 4,0 ha mô hình thâm canh 2 giống lạc: LO3 và MD7 với biện pháp kỹ thuật thâm canh mới và ứng dụng quy trình công nghệ che phủ nilon. Qua thực tế, với các mức đầu tư không cao hơn nhiều so với tập quán canh tác cũ của bà con nông dân, toàn bộ diện tích 4,0 ha mô hình đều cho năng suất bình quân vượt các giống cũ của địa phương 12 đến 13 tạ/ha, như vậy tổng sản lượng lạc đã tăng từ các mô hình là 50 tạ. Hiện nay phần lớn diện tích cây lạc của xã Bình Dương đều được trồng bằng 2 giống lạc trên, điều này khẳng định tính hiệu quả cao của mô hình.

c. Về chăn nuôi:

- Chăn nuôi lợn nái Móng Cái thuần chủng và lợn đực giống Yorkshire đang từng bước cải tiến chất lượng đàn lợn của địa phương. Bà con nông dân có thể chủ động được con giống tốt, không phải mua từ bên ngoài, giảm chi phí đầu tư sản xuất đồng thời chất lượng con giống tốt sẽ làm tăng năng suất, tăng hiệu quả chăn nuôi.

- Nuôi vịt CV2000 dễ nuôi, phù hợp với điều kiện của các địa phương có diện tích ao hồ ít và có thể nuôi theo cả hai hướng sản xuất trứng và thịt, mô hình mang lại hiệu quả cao được bà con chấp nhận và tự nhân rộng. Với khả năng đẻ tốt (275-285 quả/1 năm); trứng to (trung bình 70-75 gam/quả, tỷ lệ ấp nở cao (81-83% số trứng ấp); tỷ lệ nuôi sống cao (93-95% số con nở), hiệu quả kinh tế thu được từ việc bán trứng và ấp nở là rất lớn.

2.2. Mô hình 2: "Xây dựng mô hình vệ sinh môi trường nông thôn, bằng cách triển khai TBKT thu gom phân gia súc, chất phân huỷ hữu cơ thành khí Biogas phục vụ đun đốt".

- Khi các điểm điểm sản xuất khí biogas được xây dựng xong, mỗi năm 1 mô hình có thể thu gom 18 tấn - 20 tấn phân gia súc, gia cầm. Một điểm có thể sản xuất lượng khí gas thay thế từ 0,9 tấn than cám đến 1,0 tấn than cám/năm.
- Mô hình góp phần làm sạch vệ sinh môi trường, giảm chi phí về nguyên liệu đốt cho các hộ gia đình.

3. Hiệu quả về xã hội.

- Thông qua các lớp đào tạo và huấn luyện dự án đã góp phần nâng cao trình độ hiểu biết và tiếp thu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho cán bộ và bà con nông dân. Hình thức này đã tạo điều kiện cho bà con nông dân tiếp cận với kỹ thuật mới, cách làm mới, tăng hiệu quả lao động. Qua thực tế hai năm triển khai dự án, bà con nông dân trong xã được tham gia dự án đều tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới rất nhanh và hiệu quả.
- Dự án đã đào tạo được đội ngũ kỹ thuật viên, đội ngũ khuyến nông từ khu, thôn đến xã có trình độ cao hơn về khoa học kỹ thuật và năng lực tổ chức, chỉ đạo sản xuất. Dự án cũng tạo cơ hội để cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông của xã, tiếp cận, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm, kiến thức khoa học với nhiều cán bộ khoa học giỏi của các Viện nghiên cứu, trường Đại học và các cơ quan khoa học khác. Sau khi dự án kết thúc họ sẽ tiếp tục chủ động duy trì và phát triển tốt mối quan hệ này để học hỏi và tiếp cận nhiều hơn nữa những tiến bộ kỹ thuật mới phục vụ sản xuất của địa phương.
- Mô hình hầm khí sinh học Biogas được nhân rộng sẽ góp phần làm sạch môi trường nông thôn, nâng cao sức khoẻ cộng đồng, giảm tác hại xấu đối với sức khoẻ con người do ô nhiễm môi trường gây ra.
- Từ những hiệu quả đạt được của các mô hình sẽ kích thích tính năng động, sáng tạo và lòng say mê lao động sản xuất của bà con nông dân, qua đó tăng thêm công ăn việc làm, tăng sản phẩm hàng hoá, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xoá đói, giảm nghèo và loại trừ tệ nạn xã hội, ổn định chính trị trong vùng.

PHẦN V: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận.

1. Việc thực hiện "Xây dựng 2 mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi, triển khai tại xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc" rất phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương. Các mô hình đã khai thác tốt tiềm năng sẵn có của địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

từng bước ổn định và nâng cao đời sống của bà con nông dân trong xã. Hai mô hình đã thực hiện đạt các mục tiêu chính dự án đề ra.

2. Các mô hình giống lúa DH85, Khang dân 18, Q5, lúa lai hai dòng Bồi Táp Sơn Thanh là những mô hình đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với cả 2 vụ xuân, mùa, đảm bảo thuận lợi cho việc bố trí cây trồng vụ đông.

3. Mô hình lạc xuân với quy trình công nghệ che phủ nilon là mô hình rất thành công và đạt hiệu quả cao. Các giống lạc mới: LO3 và MD7 đặc biệt là giống lạc MD7 - là giống có năng suất cao và kháng bệnh héo xanh vi khuẩn (người dân gọi là bệnh chết ẻo) có thể thay thế hoàn toàn các giống cũ của địa phương.

4. Mô hình nuôi vịt siêu trứng CV2000 ở các hộ gia đình là khá phù hợp điều kiện địa phương.

5. Mô hình chăn nuôi lợn, là mô hình với các mục tiêu lâu dài là cải tiến chất lượng đàn lợn của địa phương, thông qua đó góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho các hộ gia đình. Đến nay dự án bước đầu cho hiệu quả, mô hình phù hợp với nguyện vọng và được sự tham gia nhiệt tình của người dân.

6. Mô hình xây dựng hầm khí sinh học Biogas rất phù hợp với điều kiện nông thôn mà chăn nuôi mạnh mẽ, kinh tế phát triển như xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

7. Qua 2 năm thực hiện, dự án đã huy động một lực lượng đông đảo cán bộ khoa học Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam và một số cơ quan khoa học khác của TƯ và địa phương tham gia và chuyển giao kỹ thuật tiến bộ cho bà con nông dân. Bằng những kết quả cụ thể của các mô hình trình diễn, dự án đã giúp người dân thay đổi cách nghĩ, cách làm, thay đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, phát huy tiềm năng sẵn có của địa phương, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế.

8. Dự án là mô hình tốt về đào tạo, nâng cao kiến thức, trình độ quản lý cho cán bộ và nhân dân trong thôn, xã. Đề nghị UBND tỉnh và UBND huyện Vĩnh Tường có chủ trương cho mở rộng dự án trong toàn huyện Vĩnh Tường.

9. Trong thời gian thực hiện dự án đã có sự cộng tác, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa cán bộ khoa học, cán bộ quản lý của Trung ương với cấp tỉnh, cấp huyện và địa phương các xã thực hiện dự án. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam và các cơ quan phối hợp tham gia thực hiện dự án đều nhất trí đánh giá đây là dự án đạt kết quả cao, có ý nghĩa thực tiễn lớn, đáp ứng các mục tiêu và nội dung đặt ra của dự án.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện 2 mô hình KH-CN tại xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường trong dự án NTMN, báo cáo đại biểu, kính mong đại biểu đóng góp ý kiến và nghiệm thu 2 mô hình trên.

SỞ KHOA HỌC - CN&MT VĨNH PHÚC